*Ngày 01 tháng 10 năm 2024 Họ và tên giáo viên: Nguyễn Thị Nhàng*

*Tổ chuyên môn: Ngữ văn – Lịch sử và Địa lí - GDCD*

|  |
| --- |
| **TÊN BÀI DẠY:**  **Bài 2: THƠ BỐN CHỮ, NĂM CHỮ**  **Môn học: Ngữ văn; Lớp 7 ( 7A3, 7A4, 7A5, 7A6)**  Thời gian thực hiện:12 tiết ( từ tiết 17 đến tiết 28) |

**MỤC TIÊU:**

***1. Về kiến thức:***

- Thơ bốn chữ: thể thơ theo đó, mỗi dòng có bốn chữ (tiếng). Các dòng thơ trong bài thường ngắt nhịp 2/2 hoặc 1/3.

- Thơ năm chữ: thể thơ theo đó, mỗi dòng có 5 chữ (tiếng). Các dòng thơ trong bài thường ngắt nhịp 3/2 hoặc 2/3, thậm chí ngắt nhịp 1/4 hoặc 4/1.

- Các dòng ở cùng một khổ trong bài thơ không nhất thiết phải ngát nhịp giống nhau.

- Bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ có thể gieo vần chân (vần được gieo ở cuối dòng thơ), vần lưng (vần được gieo ở giữa dòng thơ), vần liền (vần được gieo liên tiếp ở các dòng thơ), vần cách (vần không được gieo liên tiếp mà thường cách ra một dòng thơ) hay vần hỗn hợp (vần được gieo không theo trật tự nào). Bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ có thể có nhiều vần.

- Với trải nghiệm trong cuộc sống và việc đọc hiểu thơ, HS cần nắm được: cùng đọc một bài thơ nhưng mỗi người đọc có thể có những cách hiểu và sự cảm nhận khác nhau. Sở dĩ như vậy là việc hiểu văn bản còn phụ thuộc vào trình độ, hoàn cảnh và đặc biệt là những gì người đọc đã trực tiếp chứng kiến, đã làm và trải qua,...

***2. Về năng lực:***

***a. Năng lực chung***

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm.

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc và hoàn thiện phiếu học tập ở nhà.

- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong việc chủ động tạo lập văn bản.

***b. Năng lực riêng***

- Phân tích được tác dụng của một số biện pháp tu từ trong thơ

- Bước đầu làm được thơ bốn chữ, năm chữ; viết được đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ bốn chữ, năm chữ.

***3. Về phẩm chất:***

Yêu thương những người thân trong gia đình; trân trọng các giá trị văn hoá của dân tộc.

**\*Tích hợp nội dung học tập và làm theo tấm gương đạo đức HCM**

**\*Tích hợp nội dung Quyền con người**.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính, Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm, Phiếu học tập, Bảng kiểm tra, đánh giá thái độ làm việc nhóm, bài trình bày của HS.

**2. Học liệu:** Sgk, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, ....

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề (Dự kiến thời gian 10 phút)**

1. **Mục tiêu**: HS kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học.
2. **Nội dung**: GV sử dụng KT đặt câu hỏi, HS trả lời.
3. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.
4. **Tổ chức thực hiện**:

**\*Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

*? Hãy tưởng tượng khi mẹ đã già, hãy miêu tả lại hình ảnh đó và nêu cảm xúc của em?*

**\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ cá nhân

**\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi của GV

**\*Bước 4: Kết luận, nhận định:**

Nhận xét câu trả lời của HS và kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

Đố ai đếm được lá rừngĐố ai đếm được mấy từng trời caoĐố ai đếm được vì saoĐố ai đếm được công lao mẹ thầy.

Câu ca dao ấy đã thể hiện được những vất vả, hi sinh, được công ơn lớn hơn trời bể của mẹ. Thời gian cứ chảy trôi, người mẹ của chúng ta mỗi ngày càng già đi. Nhà thơ Đỗ Trung Lai đã khắc họa rất thành công hình ảnh người mẹ lúc về già và qua đó thể hiện tình cảm của người con dành cho mẹ. Trong tiết học hôm nay, cô và cả lớp sẽ cùng tìm hiểu bài thơ “Mẹ” để trân quý những phút giây được ở bên cạnh cha mẹ của mình.

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới** (Dự kiến thời gian 255 phút)

|  |
| --- |
| **NỘI DUNG 1: ĐỌC HIỂU VĂN BẢN 1: MẸ**  ***– Đỗ Trung Lai –*** |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Đọc hiểu văn bản: Mẹ (Đỗ Trung Lai) - Hoc24 |  |  |  |

**\* Nhiệm vụ 1: I:Đọc*,*tìm hiểu chung**

**1. Tác giả**

**a) Mục tiêu**:

- Giúp HS nêu được những nét chính về nhà thơ Đỗ Trung Lai và văn bản *“Mẹ”*

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm .

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc và hoàn thiện phiếu học tập ở nhà.

- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong việc chủ động tạo lập văn bản.

**b) Nội dung**:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi

- Hs đọc, quan sát SGK và tìm thông tin để trả lời câu hỏi của GV.

**c) Sản phẩm**: Câu trả lời của HS

*- Đỗ Trung Lai (1950)*

*- Quê quán: Phùng Xá, Mỹ Đức, Hà Tây cũ (nay Hà Nội).*

*+ Tốt nghiệp khoa Vật lý Đại học Sư phạm Hà Nội, sau dạy học trong quân đội và làm nhà báo.*

*+ Phong cách sáng tác: giọng thơ trữ tình đằm thắm nhưng gửi gắm nhiều tâm sự, triết lý nhẹ nhàng, tự nhiên.*

*- Các tác phẩm tiêu biểu:*

*+ Đêm sông Cầu (thơ, 1990)*

*+ Anh em và những người khác (thơ, 1990)*

*+ Đắng chát và ngọt ngào (thơ, in chung, 1991)*

*+ Thơ và tranh (1998)*

*+ Người chơi đàn nguyệt ở Hàng Châu (truyện và ký, 2000)*

**d) Tổ chức thực hiện**

**\*Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- Yêu cầu HS dựa vào phần chuẩn bị.

*? Nêu những hiểu biết của em về nhà thơ Đỗ Trung Lai?*

**\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

**-** GV: cho học sinh quan sát ***tranh chân dung tác giả***.



- Yêu cầu HS dựa vào phần chuẩn bị.

- H: Nêu những hiểu biết của em về nhà thơ Đỗ Trung Lai?

**\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

**-GV** yêu cầu HS trả lời.

**- HS** trả lời câu hỏi của GV.

**\*Bước 4: Kết luận, nhận định**

Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức.

|  |
| --- |
| **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**  **a.Tiểu sử**  - Đỗ Trung Lai (1950).  -Quê quán: Phùng Xá, Mỹ Đức, Hà Tây cũ (nay Hà Nội).  **b. Sự nghiệp:**  + Tốt nghiệp khoa Vật lý Đại học Sư phạm Hà Nội, sau dạy học trong quân đội và làm nhà báo.  + Phong cách sáng tác: giọng thơ trữ tình đằm thắm nhưng gửi gắm nhiều tâm sự, triết lý nhẹ nhàng, tự nhiên.  - Các tác phẩm tiêu biểu:  + *Đêm sông Cầu (thơ, 1990)*  + *Anh em và những người khác (thơ, 1990)*  + *Đắng chát và ngọt ngào (thơ, in chung, 1991)*  + *Thơ và tranh (1998)*  *+ Người chơi đàn nguyệt ở Hàng Châu (truyện và ký, 2000)* |

**2. Tác phẩm**

**a) Mục tiêu**: Giúp HS Biết được những nét chung của văn bản (Thể loại, bố cục…)

**b) Nội dung**:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, sử dụng KT khăn phủ bàn cho HS thảo luận nhóm.

- HS suy nghĩ cá nhân để trả lời, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời và phiếu học tập đã hoàn thành của HS

***-*** *Xuất xứ: Trích tập thơ “Đêm sông Cầu”.*

*- Thể thơ: 4 chữ.*

*+ Mỗi câu gồm 4 tiếng, số câu trong bài không hạn định. Các khổ, đoạn trong bài được chia linh hoạt, tùy theo nội dung và cảm xúc.*

*+ Gieo vần chân: chữ cuối cùng của câu hai vần với chữ cuối cùng của câu bốn trong mỗi khổ.*

*+ Các câu thơ được ngắt nhịp 2/2 hoặc 1/3*

*- PTBĐ: Biểu cảm*

*-**Bố cục:**2 phần*

*+ P1: Hình ảnh người mẹ.*

*+ P2: Tình cảm của người con dành cho mẹ.*

*- Bài thơ là lời của người con thể hiện tình yêu thương dành cho mẹ khi nhận ra sự già đi của người mẹ theo năm tháng.*

**d) Tổ chức thực hiện**

**\*Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập:**

- Hướng dẫn cách đọc & yêu cầu HS đọc.

- Chia nhóm lớp, giao nhiệm vụ:

*? Nêu xuất xứ của bài thơ.*

*? Xác định thể thơ? Chỉ ra những yếu tố đặc trưng của thể thơ qua bài thơ (vần, nhịp, dòng, khổ thơ).*

*? Xác định PTBĐ chính.*

*? Bài thơ gồm mấy khổ thơ? Có thể chia văn bản thành mấy phần và nội dung từng phần?*

*? Bài thơ là lời của ai? Thể hiện cảm xúc về ai? Cảm xúc như thế nào?*

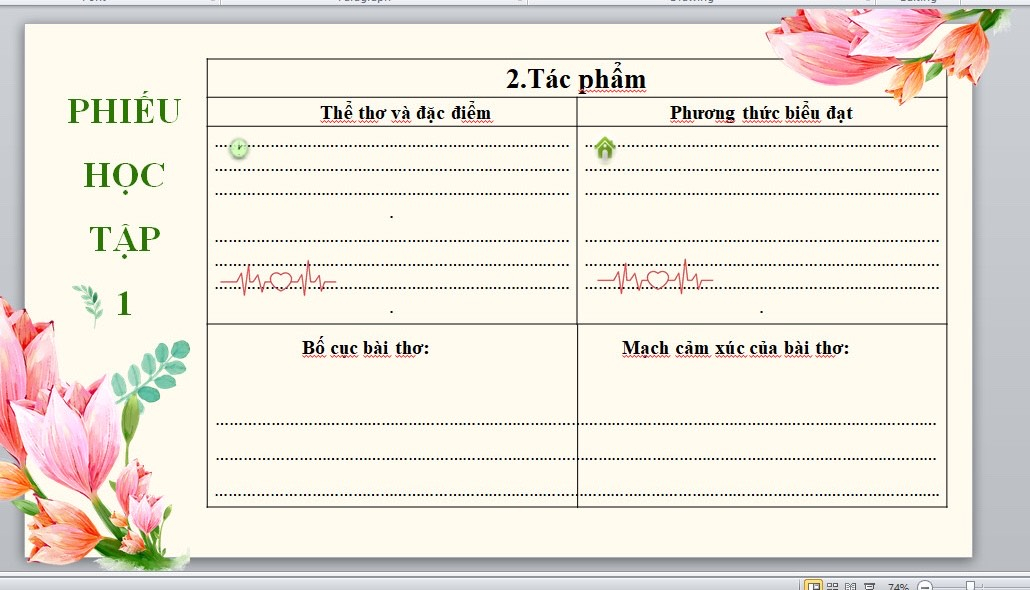
**\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

**-HS**: Đọc văn bản

- Làm việc cá nhân 2’, nhóm 5’

+ 2 phút đầu, HS ghi kết quả làm việc ra phiếu cá nhân.

+ 5 phút tiếp theo, HS làm việc nhóm, thảo luận và ghi kết quả vào ô giữa của phiếu học tập, dán phiếu cá nhân ở vị trí có tên mình.



**-GV**: Chỉnh cách đọc cho HS (nếu cần). Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động nhóm.

**\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

**-HS** Trình bày sản phẩm của nhóm mình. Theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

**-GV***:*Nhận xét cách đọc của HS.

- Hướng dẫn HS trình bày bằng cách nhắc lại từng câu hỏi

**\*Bước 4: Kết luận, nhận định:**

Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS và chốt kiến thức

|  |
| --- |
| **2.Tác phẩm**  **a) Đọc và tìm hiểu chú thích**  **b) Tìm hiểu chung**  **-** Xuất xứ: Trích tập thơ *“Đêm sông Cầu”.*  - Thể thơ: 4 chữ.  + Mỗi câu gồm 4 tiếng, số câu trong bài không hạn định. Các khổ, đoạn trong bài được chia linh hoạt, tùy theo nội dung và cảm xúc.  + Gieo vần chân: chữ cuối cùng của câu hai vần với chữ cuối cùng của câu bốn trong mỗi khổ.  + Các câu thơ được ngắt nhịp 2/2 hoặc 1/3  - PTBĐ: Biểu cảm  -Bố cục:2 phần  + P1: Hình ảnh người mẹ.  + P2: Tình cảm của người con dành cho mẹ.  - Bài thơ là lời của người con thể hiện tình yêu thương dành cho mẹ khi nhận ra sự già đi của người mẹ theo năm tháng. |

**\*Nhiệm vụ 2: II: TÌM HIỂU CHI TIẾT**

**1. Hình ảnh người mẹ.**

**a) Mục tiêu**: Giúp HS

- Tìm được những chi tiết nói về hình ảnh người mẹ.

- Cảm nhận về hình ảnh đó.

**b) Nội dung**:

- GV sử dụng KT khăn trải bàn cho HS thảo luận.

- HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thiện nhiệm vụ.

- HS trình bày sản phẩm, theo dõi, nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

**c) Sản phẩm:** Phiếu học tập của HS đã hoàn thành, câu trả lời của HS.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hình ảnh mẹ** | **Hinh ảnh cau** |
| + lưng mẹ “còng” | cau “thẳng” |
| mẹ “đầu bạc trắng” | cau “ngọn xanh rờn |
| mẹ “ngày một thấp” | cau “ngày càng cao” |
| mẹ “gần đất” | cau “gần giời” |

=> Gợi ra sự liên tưởng về tuổi già khiến lòng người con quặn thắt khi “Cau gần với trời – Mẹ thì gần đất”.

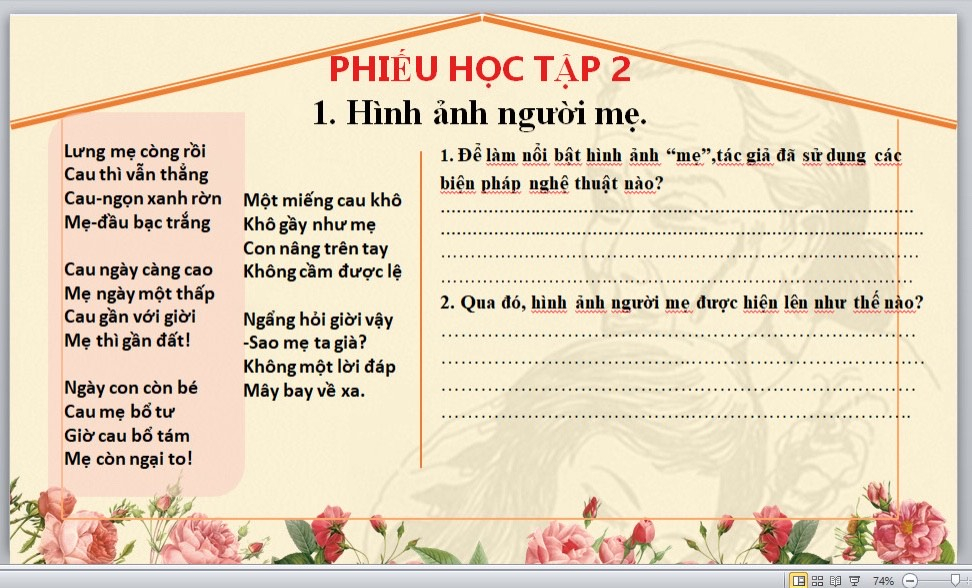
**d) Tổ chức thực hiện**

**\*Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- GV đặt câu hỏi gợi dẫn, yêu cầu HS thảo luận theo nhóm đôi:

*? Để làm nổi bật hình ảnh “mẹ” tác giả đã sử dụng các biện pháp tu từ nào?*

*? Qua đó, hình ảnh người mẹ được hiện lên như thế nào?*



****

**\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

**HS**: trao đổi theo nhóm đôi.

**GV** theo dõi, hỗ trợ cho HS (nếu HS gặp khó khăn).

**\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

**GV**: Yêu cầu đại diện của một nhóm lên trình bày.

- Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).

**HS:**- Đại diện 1 nhóm lên bày sản phẩm. - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.

**\*Bước 4: Kết luận, nhận định:**

- Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong HĐ nhóm của HS.

- Chốt kiến thức.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **II. Tìm hiểu chi tiết**   1. **Hình ảnh người mẹ.**   \*Những từ ngữ được tác giả dùng để nói về “mẹ” và “cau” trong bài thơ:  + Mẹ: còng, đầu bạc trắng, thấp, gần đất  + Cau: thẳng, ngọn xanh rờn, cao, gần với giời  - Hình ảnh ***sóng đôi***“cau” và “mẹ”: Thông qua hình ảnh cây cau, quả cau gần gũi thân thuộc, nhà thơ bày tỏ nỗi xót xa khi mẹ ngày càng già, mái tóc mẹ hòa vào mây trắng.  - Những hình ảnh ***đối lập*** như   |  |  | | --- | --- | | **Hình ảnh mẹ** | **Hinh ảnh cau** | | + lưng mẹ “còng” | cau “thẳng” | | mẹ “đầu bạc trắng” | cau “ngọn xanh rờn | | mẹ “ngày một thấp” | cau “ngày càng cao” | | mẹ “gần đất” | cau “gần giời” |   => Gợi ra sự liên tưởng về tuổi già khiến lòng người con quặn thắt khi “Cau gần với trời – Mẹ thì gần đất”.  - Biện pháp tu từ ***so sánh*** “Một miếng cau khô – Khô gầy như mẹ”: ví von hình ảnh mẹ già như miếng cau khô để gợi lên hình ảnh già nua héo hắt của người mẹ.  🡺***Tác giả mượn hình ảnh nhai trầu quen thuộc để khắc họa hình ngời mẹ. Miếng trầu bổ nhỏ gợi ra tuổi già móm mém của mẹ.*** |

GV: Lời thơ ngỡ như lời nhận xét thông thường nhưng đằng sau mỗi con chữ là bao đắng đót, xót xa khi nhận ra thời gian, nỗi vất vả cuộc đời đã hằn lên lưng còng, trên mái đầu bạc trắng của mẹ. Không cần nhiều lời chỉ qua hai hình ảnh lưng còng và mái đầu bạc trắng của mẹ mà gợi ra bao cảm nhận về công lao của mẹ, sự nhọc nhằn, đắng cay trong cuộc đời mẹ cho con khôn lớn, trưởng thành. Người con thảng thốt nhận ra quỹ thời gian của mẹ không còn nhiều, không tránh khỏi quy luật cuộc đời và ngày con xa mẹ đang đến gần, chúng ta cùng tìm hiểu tình cảm của người con dành cho mẹ.

**2. Tình cảm của người con dành cho mẹ**

**a) Mục tiêu**: Giúp HS

- Cảm nhận được tình cảm của người con dành cho mẹ qua các chi tiết trong bài.

- Nhận diện và phân tích được tác dụng của các biện pháp tu từ, đặc biệt là biện pháp tu từ so sánh.

**b) Nội dung**:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động nhóm cho HS.

- HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung (nếu cần)

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS và phiếu học tập của HS đã hoàn thành.

*- Các câu thơ thể hiện tình cảm của người con dành cho mẹ:*

*“Một miếng cau khô*

*Khô gầy như mẹ*

*Con nâng trên tay*

*Không cầm được lệ”.*

*-Tình cảm của người con:*

*+ Nâng: sự trân trọng, nâng niu miếng trầu - hình ảnh tượng trưng cho mẹ.*

*+ Cầm: tình cảm dồn nén, chứa đựng bao xót xa, tình cảm của con dành cho mẹ.*

*=> Qua hình ảnh miếng cau khô, ta cảm nhận được nỗi niềm của con dành cho mẹ. Con thấu hiểu những khó nhọc, cay đắng của đời mẹ, trân trọng những hi sinh mẹ đã dành cho con nhưng không khỏi đau đớn trước những vất vả của mẹ.*

*- Với sự xót xa, con tự vấn trời đất cũng là tự vấn bản thân mình: Sao mẹ ta già?*

*=> Câu hỏi tu từ thể hiện sự vô vọng, sự bất lực của người con không thể níu kéo thời gian chậm lại, níu kéo mẹ ở lại mãi mãi bên con. "Mây bay về xa" như mái tóc mẹ hòa vào mây trắng. Lời thơ mở ra dư âm nghẹn ngào, nỗi xúc động dưng dưng.*

**d) Tổ chức thực hiện**

**\*Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- Chia nhóm đôi. - Giao nhiệm vụ:

*? Tìm những hành động thể hiện tình cảm của người con dành cho mẹ?*

*? Em thích nhất hành động nào của người con để thể hiện tình cảm của con dành cho mẹ.*

*? Qua những hành động đó, em cảm nhận tình cảm của người dành cho mẹ như thế nào?*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS: - 2 phút làm việc cá nhân

- 3 phút thảo luận cặp đôi

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

GV:- Yêu cầu HS trình bày.

- Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).

HS- Đại diện 1 nhóm lên trình bày sản phẩm.

- Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- Nhận xét về thái độ làm việc và sản phẩm của các nhóm.

- Chốt kiến thức

|  |
| --- |
| **2. Tình cảm của người con dành cho mẹ**  Các câu thơ thể hiện tình cảm của người con dành cho mẹ:  “*Một miếng cau khô*  *Khô gầy như mẹ*  *Con nâng trên tay*  *Không cầm được lệ”.*  -Tình cảm của người con:   * + ​*Nâng*: sự trân trọng, nâng niu miếng trầu - hình ảnh tượng trưng cho mẹ.   + *Cầm*: tình cảm dồn nén, chứa đựng bao xót xa, tình cảm của con dành cho mẹ   => Qua hình ảnh miếng cau khô, ta cảm nhận được nỗi niềm của con dành cho mẹ. Con thấu hiểu những khó nhọc, cay đắng của đời mẹ, trân trọng những hi sinh mẹ đã dành cho con nhưng không khỏi đau đớn trước những vất vả của mẹ.  - Với sự xót xa, con tự vấn trời đất cũng là tự vấn bản thân mình: Sao mẹ ta già?  => **Câu hỏi tu từ thể hiện sự vô vọng, sự bất lực của người con không thể níu kéo thời gian chậm lại, níu kéo mẹ ở lại mãi mãi bên con. "Mây bay về xa" như mái tóc mẹ hòa vào mây trắng. Lời thơ mở ra dư âm nghẹn ngào, nỗi xúc động dưng dưng.** |

**\*Nhiệm vụ 3:III. TỔNG KẾT**

**a. Mục tiêu**: Khái quát được nội dung, nghệ thuật của bài thơ

**b. Nội dung**:

- GV sử dụng KT chia sẻ nhóm đôi để khái quát giá trị nghệ thuật và nội dung của văn bản…

- HS làm việc cá nhân, thảo luận nhóm và báo cáo sản phẩm

**c. Sản phẩm: Câu trả lời HS**

***1. Nghệ thuật***

*- Thể thơ bốn chữ*

*- Lời thơ giản dị, tự nhiên.*

*- Hình ảnh thơ gần gũi.*

*- Kết hợp các biện pháp nghệ thuật tu từ : so sánh, ẩn dụ, đối lập…*

***2. Nội dung***

*Bài thơ mượn hình ảnh cây cau quen thuộc để khắc họa hình ảnh người mẹ. Qua đó, bài thơ thể hiện sự vất vả của cuộc đời mẹ, tình yêu thương chân thành của con dành cho mẹ và sự đau đớn, buồn tủi khi quỹ thời gian không còn nhiều, dường như ngày con xa mẹ đang đến gần.*

***3.******Ý nghĩa***

*- Tình yêu thương bao la của cha mẹ dành cho ta thể hiện từ những điều bình dị, giản đơn nhất ;*

*- Mỗi chúng ta cần biết yêu thương, trân trọng, biết ơn và hiếu thảo với cha mẹ của mình.*

**d. Tổ chức thực hiện**

**\*Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập:**

- Chia nhóm lớp theo bàn. Phát phiếu học tập số 5

- Giao nhiệm vụ nhóm:

*? Nêu những biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản?*

*? Nội dung chính của văn bản “Về thăm mẹ”?*

*? Ý nghĩa của văn bản*.

**\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

**HS**:Suy nghĩ cá nhân 2’ và ghi ra giấy.

* Làm việc nhóm 5’ (trao đổi, chia sẻ và đi đến thống nhất để hoàn thành phiếu học tập).

**GV** hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).

**\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận;**

**HS**: Đại diện lên báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.

**GV**:Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá chéo giữa các nhóm.

**\*Bước 4: Kết luận, nhận định:**

- Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm.

- Chốt kiến thức.

|  |
| --- |
| **III. Tổng kết:**  **1. Nghệ thuật**  - Thể thơ bốn chữ  - Lời thơ giản dị, tự nhiên.  - Hình ảnh thơ gần gũi.  - Kết hợp các biện pháp nghệ thuật tu từ : so sánh, ẩn dụ, đối lập…  **2. Nội dung**  Bài thơ mượn hình ảnh cây cau quen thuộc để khắc họa hình ảnh người mẹ. Qua đó, bài thơ thể hiện sự vất vả của cuộc đời mẹ, tình yêu thương chân thành của con dành cho mẹ và sự đau đớn, buồn tủi khi quỹ thời gian không còn nhiều, dường như ngày con xa mẹ đang đến gần.  **3.** **Ý nghĩa**  - Tình yêu thương bao la của cha mẹ dành cho ta thể hiện từ những điều bình dị, giản đơn nhất ;  - Mỗi chúng ta cần biết yêu thương, trân trọng, biết ơn và hiếu thảo với cha mẹ của mình. |

**\*Nhiệm vụ 1: I. ĐỌC VÀ TÌM HIỂU CHUNG**

**a. Mục tiêu**:

- Nắm sơ lược về tác giả, tác phẩm. Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc và hoàn thiện phiếu học tập ở nhà. - Nhận biết được tác phẩm thơ lãng mạn.

- Đọc diễn cảm tác phẩm thơ hiện đại viết theo bút pháp lãng mạn.

**b. Nội dung**:

- **GV** sử dụng KT sơ đồ tư duy để khai thác phần tìm hiểu chung.

- **HS** dựa vào sơ đồ tư duy đã chuẩn bị ở nhà để hoàn thành nhiệm vụ nhóm.

**c. Sản phẩm.**

*- Vũ Đình Liên (1913 -1996). - Quê gốc Hải Dương nhưng sống ở Hà Nội.*

*- Là một trong những nhà thơ lớp đầu tiên của phong trào Thơ mới.*

*- Ông là nhà thơ, nhà dịch thuật, nhà giáo.*

*- Thơ ông nặng lòng thương người và niềm hoài cổ*

*- Một số tác phẩm tiêu biểu: Ông đồ, Lòng ta là những thành quách cũ, Lũy tre xanh,…*

*-* ***Hoàn cảnh sáng tác****: Khổ 1 viết năm 1935, mùa xuân năm 1936 mới hoàn thành nốt 4 khổ còn lại.*

*-* ***Xuất xứ****: In trên tạp chí “Tinh Hoa”.*

*-* ***Thể thơ****: Ngũ ngôn (5 chữ)*

*-* ***PTBĐ:*** *Biểu cảm ( Tự sự, miêu tả)*

*-* ***Bố cục****: 3 phần*

*+ Phần 1 (K1,2) : Hình ảnh ông đồ thời đắc ý*

*+ Phần 2 (K3,4): Hình ảnh ông đồ thời tàn lụi*

*+ Phần 3 (K5): Nỗi lòng của nhà thơ.*

**d. Tổ chức thực hiện**

**\*Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- Chia nhóm cặp đôi.

- Các cặp đôi trao đổi sản phẩm đã chuẩn bị cho nhau để cùng nhau trao đổi về sơ đồ tư duy đã chuẩn bị ở nhà, có thể chỉnh sửa nếu cần thiết.

****

Phiếu học tập số 1

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS quan sát phiếu học tập của bạn, cùng nhau chia sẻ, trao đổi và thống nhất ý kiến.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- GV yêu cầu 1 vài cặp đôi báo cáo sản phẩm.

- HS đại điện cặp đôi trình bày sản phẩm. Các cặp đôi còn lại theo dõi, nhận xét và ghi chép kết quả thảo luận của các cặp đôi báo cáo.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

**HS:** Những cặp đôi không báo cáo sẽ làm nhiệm vụ nhận xét, bổ sung cho cặp đôi báo cáo (nếu cần).

**GV**: Nhận xét thái độ làm việc và sp của các cặp đôi.

- Chốt kiến thức,

|  |
| --- |
| **I. Đọc, tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**  - Vũ Đình Liên (1913 -1996). - Quê gốc Hải Dương nhưng sống ở Hà Nội.  - Là một trong những nhà thơ lớp đầu tiên của phong trào Thơ mới.  - Ông là nhà thơ, nhà dịch thuật, nhà giáo.  - Thơ ông nặng lòng thương người và niềm hoài cổ  - Một số tác phẩm tiêu biểu: *Ông đồ, Lòng ta là những thành quách cũ, Lũy tre xanh,…* |

**2. Tác phẩm**

**\*Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

**a. Đọc: Hướng dẫn đọc nhanh**.

+ Đọc giọng to, rõ ràng và lưu loát.

+ Thể hiện rõ được tâm trạng và nỗi niềm hoài cổ của nhà thơ.

2 khổ đầu: giọng vui tươi, phấn chấn.

3 khổ tiếp: chậm rãi, trầm buồn, sâu lắng, thiết tha...

- Hướng dẫn cách đọc chậm (đọc theo thẻ).

+ Đọc thẻ trước, viết dự đoán ra giấy.

+ Đọc văn bản và đối chiếu với sản phẩm dự đoán.

- Cho học sinh thực hành đọc văn bản theo hướng dẫn.

**b. Yêu cầu HS tiếp tục quan sát phiếu học tập đã chuẩn bị ở nhà và trả lời các câu hỏi còn lại:**

*? Nêu hoàn cảnh sáng tác và xuất xứ của bài thơ*

*? Bài thơ được tác giả viết theo thể thơ nào?*

*? Nêu các PTBĐ của bài thơ? Đâu là PTBĐ chính?*

*? Có thể chia bài thơ này ra làm mấy phần? Nêu nội dung của từng phần*?

**\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

**GV:**1. Hướng dẫn HS cách đọc

2. Theo dõi, hỗ trợ HS (nếu cần).

**HS:**1. Đọc văn bản, các em khác theo dõi, quan sát bạn đọc.

2. Xem lại nội dung phiếu học tập đã chuẩn bị ở nhà.

**\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

**GV:** Yêu cầu HS trả lời, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần).

**HS:**- Trả lời các câu hỏi của GV.

- HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).

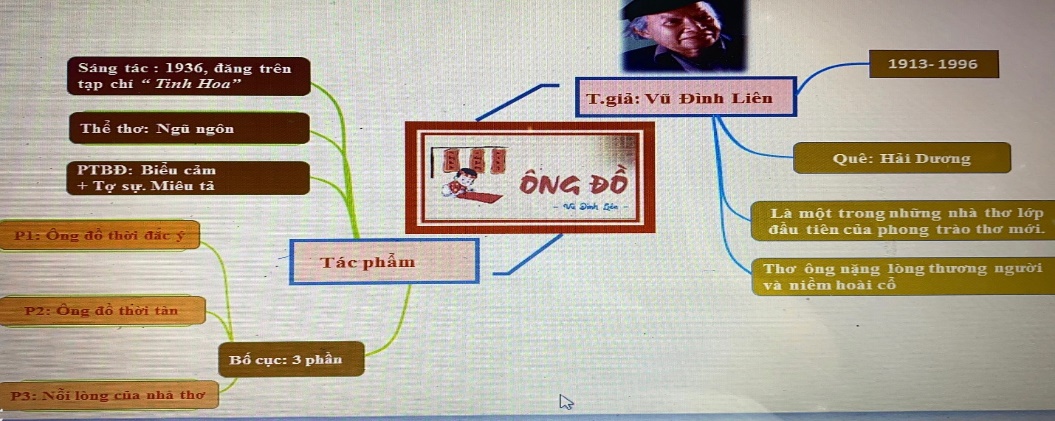
**\*Bước 4: Kết luận, nhận định**

- Nhận xét thái độ học tập qua sự chuẩn bị của HS bằng việc trả lời các câu hỏi.

- Chốt kiến thức.

|  |
| --- |
| **2. Tác phẩm**  **a) Đọc và giải nghĩa từ**  - Đọc  - Giải nghĩa từ:  + ***Ông Đồ:*** Người dạy học chữ nho xưa. Nhà nho nếu không đỗ đạt làm quan, thường làm nghề dạy học, gọi là ông Đồ hoặc thầy đồ.  ***+ Mực tàu***: Thỏi mực đen, mài với nước làm mực để viết chữ Hán hoặc chữ nho.  ***+ Nghiên:*** Dụng cụ làm bằng chất liệu cứng, có lòng trũng để mài mực tàu.  **b) Tìm hiểu chung**  - **Hoàn cảnh sáng tác**: Khổ 1 viết năm 1935, mùa xuân năm 1936 mới hoàn thành nốt 4 khổ còn lại.  - **Xuất xứ**: In trên tạp chí “Tinh Hoa”.  - **Thể thơ**: Ngũ ngôn (5 chữ)  - **PTBĐ:** Biểu cảm ( Tự sự, miêu tả)  - **Bố cục**: 3 phần  + Phần 1 (K1,2) : Hình ảnh ông đồ thời đắc ý  + Phần 2 (K3,4): Hình ảnh ông đồ thời tàn lụi  + Phần 3 (K5): Nỗi lòng của nhà thơ. |

**Sản phẩm tổng hợp:**



**\*Nhiệm vụ 2: II. TÌM HIỂU CHI TIẾT**

**1.Hình ảnh ông Đồ thời đắc ý ( khổ 1+2)**

**a. Mục tiêu**: Giúp HS phân tích và nắm được nội dung, nghệ thuật đặc sắc, ý nghĩa của đoạn thơ, từ đó thấy được một nét đẹp văn hóa của dân tộc và yêu những giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta.

**b. Nội dung**: **GV** đặt câu hỏi để tìm hiểu nội dung đoạn thơ

**HS:** Suy nghĩ và làm việc cá nhân để trả lời câu hỏi của giáo viên.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

( Câu trả lời của học sinh ghi trên phiếu học tập )

**d. Tổ chức thực hiện**

**\*Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

Chia lớp thành 4 nhóm, hoàn thành phiếu học tập

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| 1. **Hình ảnh ông Đồ thời đắc ý**   **? Ông đồ xuất hiện trong bối cảnh nào (thời gian, không gian)? Hình ảnh ông đồ hiện lên ntn (công việc, tài năng)? Để làm nổi bật hình ảnh ông đồ, tác giả sử dụng những biện pháp nghệ thuật gì?** | | | |
| **Bối cảnh xuất hiện** | | **Hình ảnh ông đồ** | |
| **Thời gian** | **Không gian** | **Công việc** | **Tài năng** |
|  |  |  |  |
| **N.xét:** | | **N.xét:** | |

**Phiếu học tập số 2**

**\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

**HS:** Đọc hai khổ thơ và suy nghĩ thảo luận theo nhóm để trả lời câu hỏi

**GV:** Hướng dẫn HS tìm hiểu bằng cách đặt các câu hỏi phụ (nếu HS không trả lời được).  
*? Ông đồ xuất hiện trong bối cảnh nào (Thời gian, không gian)?*

*? Em có nhận xét gì về bối cảnh đó?*

*? Hỉnh ảnh ông đồ hiện lên ntn? Câu thơ nào miêu tả công việc và tài năng của ông?*

*? Để làm nổi bật hình ảnh và tài năng của ông đồ, tác giả sử dụng biện pháp nghệ thuật nào?*

**\*Bước 3: Báo cáo thảo luận**

**GV:** Yêu cầu nhóm trưởng trình bày kết quả thảo luận

**HS:** Trả lời câu hỏi của GV, những HS còn lại theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho câu trả lời của bạn.

**\*Bước 4: Kết luận, nhận định**

- Nhận xét câu trả lời và câu nhận xét của HS

- Chốt nội dung (sản phẩm).

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Bối cảnh xuất hiện** | | **Hình ảnh ông đồ** | |
| **Thời gian** | **Không gian** | **Công việc** | **Tài năng** |
| Dịp tết đến xuân về ( hoa đào nở) | bên hè phố đông người qua lại. | + Viết câu đố (bày mực tàu giấy đỏ)  => phong tục ngày tết ở nước ta xưa.  **+ NT:** Cặp từ “ mỗi…lại…” cùng hình ảnh sóng đôi “ hoa đào” – “ ông đồ”=> cho thấy bước chuyển động cuat thời gian. Ông đồ xuất hiện không chỉ một năm mà hàng năm như một quy luật tuần hoàn của thời gian, không gian và con người | + Nét chữ đẹp, phóng khoáng, bay bổng, sinh động.  (như phượng múa rồng bay.)  + Thái độ của mọi người: Mọi người quí trọng, mến mộ tài năng của ông đồ.  **+ NT:** Hoán dụ (hoa tay), so sánh (như…), thành ngữ (phượng múa rồng bay)  => làm nổi bật tài hoa, cốt cách của ông đồ. |
| => Hoa đào là loài hoa đặc trưng cho ngày Tết cổ truyền của dân tộc VN. Hoa đào nở là báo hiệu Tết đã đến, xuân đã về. Ông Đồ là hình ảnh trung tâm của bức tranh xuân đó. Ông có mặt giữa mùa đẹp nhất, vui nhất, hạnh phúc nhất của con người, trong khung cảnh tấp nập đông vui khi Tết đến xuân về. | | => Cuộc sống của ông tràn đầy niềm vui, hạnh phúc. Sự tồn tại của ông đồ trong xã hội lúc bấy giờ là không thể thiếu. Mọi người quý trọng ông đồ là q*uí trọng một nếp sống văn hóa tốt đẹp của dân tộc ta, mến mộ các nhà Nho và chữ Nho.* Ông là người góp phần làm nên nét đẹp văn hóa truyền thống của dân tộc. | |

**Hòa hợp**

**Hòa hợp**

**- Nét phong tục tao nhã, nét văn hóa của dân tộc**

**- Niềm trân trọng của nhà thơ**

*GV: Theo phong tục, khi tết đến, người ta thường sắm câu đối họăc đôi chữ nho viết trên giấy đỏ hoặc lụa đỏ để dán trên vách, trên cột nhà, vừa để trang hoàng nhà cửa thêm đẹp, vừa để gửi gắm lời chúc tốt lành. Khi đó, người ta phải tìm đến ông đồ (người hay chữ). Ông đồ tài hoa và cốt cách là trung tâm của không gian ngày Tết. Đó là sự hòa hợp của các yếu tố thiên thời, địa lợi (thiên nhiên đẹp đẽ, ấm áp, không khí vui tươi với những bông hoa đào nở, ...) và bên cạnh đó là sự hòa hợp của con người - nhân hòa (người thuê viết chữ ông rất đông). Hình ảnh của ông đồ xuất hiện trong ngày Tết là một nét phong tục tao nhã, một nét đẹp văn hóa của dân tộc. Qua hai khổ thơ đầu, chúng ta không chỉ thấy được sự trân trọng của mọi người mà còn thấy được tấm lòng trân trọng của nhà thơ đối với ông đồ cũng như đối với nét đẹp văn hóa dân tộc.*

*Nhưng đến những năm đầu TK20, nền Hán học (chữ nho) dần mất vị thế quan trọng khi chế độ thi cử PK bị bãi bỏ (Khoa thi cuối cùng vào năm 1915), một thành trì văn hóa cũ sụp đổ. Các nhà nho từ chỗ là nhân vật trung tâm trong đời sống VH tinh thần của dân tộc được XH tôn vinh bỗng chốc bước lạc hướng thời đại, bị bỏ quên và cuối cùng vắng bóng. Trẻ con không đi học chữ nho nữa mà học chữ Pháp, Nhật, quốc ngữ. Cuộc sống tây hóa khiến người ta không còn vui sắm câu đối chơi tết nữa. Ông đồ vắng bóng và biến mất trên đường phố ngày tết và trong tâm trí của mọi người. Và hình ảnh ông đồ được phác họa như thế nào, chúng ta chuyển sang khổ 3,4.*

**2. Hình ảnh ông đồ thời tàn lụi**

**a. Mục tiêu**: Hình dung rõ hình ảnh ông đồ thời tàn cùng thái độ của nhà thơ trước thực tại.

**b. Nội dung**:

**GV** sử dụng KT khăn phủ bàn để tìm hiểu về hình ảnh ông đồ thời tàn lụi.

**HS** làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thành phiếu học tập và trình bày sản phẩm.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời HS

( Câu trả lời của học sinh ghi trên phiếu học tập)

**d. Tổ chức thực hiện.**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- Chia nhóm lớp: 4 nhóm = 4 câu hỏi

- Giao nhiệm vụ: hoàn thiện phiếu học tập số 3 bằng cách trả lời các câu hỏi 1, 2, 3,4.

- Thời gian: 7 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **1.Tìm những chi tiết, hình ảnh cho thấy sự giống và khác nhau trong hai thời điểm ông đồ xuất hiện.** | | |
| **Giống** | | |
|  | | |
| **Ông đồ thời đắc ý** | **Ông đồ thời tàn lụi** |
|  |  |
| *2. Trong hai câu thơ: “Giấy đỏ buồn không thắm Mực đọng trong nghiên sầu” “ Lá vàng rơi trên giấy Ngoài trời mưa bụi bay”, tác giả sử dụng biện pháp nghệ thuật gì? Giá trị biểu đạt của biện pháp nghệ thuật đó?* | | |
| *3. Cảm nhận về hình ảnh ông đồ trong hai khổ thơ 3,4?* | | |
| *4. Sự đối lập của hình ảnh ông đồ ở 4 khổ thơ đầu đã phản ánh điều gì trong đời sống văn hoá của dân tộc?* | | |

***Dự kiến tình huống khó khăn***: HS gặp khó khăn trong câu hỏi số 2.

**Tháo gỡ**: (GV gợi ý HS bằng cách hướng dẫn các em phát hiện biện pháp NT nhân hóa, từ đó hiểu được nỗi buồn của con người, …

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

**HS** - Quan sát những chi tiết trong SGK (GV đã chiếu trên màn hình).

- Đọc các khổ thơ 1,2,3,4

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

**GV**:- Yêu cầu HS trình bày. Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).

**HS:**- Đại diện một nhóm trình bày sản phẩm.

- HS còn lại theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- Nhận xét câu trả lời của HS và Chốt kiến thức

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Điểm giống và khác nhau ở hai khổ thơ sau với hai khổ thơ đầu** | | | | **Ông đồ thời đắc ý** | **Ông đồ thời tàn lụi** | | - Thời gian: tết đến xuân về  - Ông đồ vẫn ngồi bên hè phố cùng mực tàu, giấy đỏ | | | | - Bao nhiêu người thuê viết,  - Tấm tắc ngợi khen tài | - Người thuê viết nay đâu.  - Qua đường không ai hay (Thờ ơ, dửng dưng, không ai để ý đến sự có mặt của ông, quay lưng lại với một nét đẹp văn hóa. | | 2. Tác giả đã nhân hoá “*giấy đỏ - buồn, nghiên – sầu”.* Trời đất, đồ vật dường như cũng ảm đạm, buồn bã cùng với ông đồ. Nỗi buồn tủi của ông đồ như thấm vào những vật vô tri, vô giác. | | | | 3. Ông đồ trở nên trơ trọi lạc lõng, tội nghiệp giữa dòng đời trôi chảy. - Hình ảnh đầy xót xa, thương cảm của một lớp người tài hoa đang bị lãng quên, đang tàn tạ trước sự thay đổi của thời cuộc.  4. Đó chính là sự thay đổi trong đời sống văn hoá của người VN: Con người đã lạnh lùng từ chối một giá trị, một nét đẹp văn hoá cổ truyền của dân tộc. | | | |

*GV: Giờ đây ông đồ trở nên trơ trọi lạc lõng, tội nghiệp giữa dòng đời trôi chảy, ông ngồi trong mưa bụi bay và lá vàng rơi trên giấy. Ông ngồi đấy lặng lẽ mà trong lòng ông là một tấn bi kịch, là sự sụp đổ hoàn toàn. Ông đồ ở 2 khổ thơ sau là ông đồ một thời tàn, bị bỏ rơi vào sự vô tình, lãng quên của mọi người. Hình ảnh đầy xót xa, thương cảm của một lớp người tài hoa đang bị lãng quên, đang tàn tạ trước sự thay đổi của thời cuộc. Con người đã lạnh lùng từ chối một giá trị, một nét đẹp văn hoá cổ truyền của dân tộc. Hình ảnh ông đồ chính là “di tích tiều tụy, đáng thương của một thời tàn” - nói như lời của tác giả. Và nhà thơ Tú Xương cũng đã phản ánh sự suy tàn của chữ nho:*

*“Nào có hay gì cái chữ nho*

*Ông nghè, ông cống cũng nằm co…”*

**3. Nỗi lòng của nhà thơ**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được tình cảm, thái độ của nhà thơ đối với lớp nhà nho xưa, cảm xúc nuối tiếc một nét đẹp văn hóa dân tộc.

**b. Nội dung**:

-GV sử dụng KT đặt câu hỏi, KT thảo luận cặp đôi để HS tìm hiểu về nỗi lòng của tác giả

**-HS** làm việc cá nhân, thảo luận cặp đôi để hoàn thành nhiệm vụ và báo cáo sản phẩm.

**- Lồng ghép giáo dục Tư tưởng Hồ Chí Minh:**

Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ là một chiến sĩ tiên phong trên mặt trận văn hóa, dùng ngòi bút của mình làm vũ khí sắc bén để đấu tranh cho độc lập, tự do, ấm no, hạnh phúc… của con người, mà còn quy tụ, cổ vũ văn nghệ sĩ - những người chiến sĩ trên mặt trận văn hóa - tư tưởng sáng tạo và cống hiến tri thức, tinh thần cho Tổ quốc và Nhân dân.

**c. Sản phẩm:** câu trả lời của HS

( Câu trả lời của HS ghi trên phiếu học tập)

**d.** **Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

1. Trong hai câu thơ đầu, tác giả sử dụng biện pháp NT gì? Tác dụng?

2. Câu hỏi tu từ cuối bài thể hiện tâm tư gì của nhà thơ? Qua đó, em hiểu nhà thơ là người như thế nào?

3. Trao đổi và chia sẻ để trả lời các câu hỏi.

**Phiếu bài tập số 4**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Hình ảnh ông đồ thời đắc ý** | **Hình ảnh ông đồ thời tàn** |
| **Khung cảnh** |  |  |
| **Hình ảnh**  **ông đồ** |  |  |
| **Tình cảm của nhà thơ** |  |  |

**\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

**HS**: đọc ngữ liệu trong SGK (khổ 3), suy nghĩ cá nhân để trả lời câu hỏi, trao đổi cặp đôi, hoàn thành phiếu học tập.

**GV**: giải thích, bình thêm.

**\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

**GV:**- Yêu cầu HS trình bày.

- Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).

**HS**- Gọi HS trải lời câu hỏi

- Các hs khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

**\*Bước 4: Kết luận, nhận định**

- Nhận xét về thái độ làm việc, ý kiến nhận xét và sản phẩm của HS.

- Chốt kiến thức.

**- Lồng ghép giáo dục Tư tưởng Hồ Chí Minh:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **3.Nỗi lòng của nhà thơ**  **+ 2 câu đầu:**  - Sử dụng NT: phép đối: thấy >< không thấy.  - Kết cấu đầu cuối tương ứng  (Hình ảnh hoa đào) chặt chẽ làm nổi bật chủ đề: “Cảnh cũ người đâu”.  => Sự thất thế, tàn tạ đáng buồn của ông đồ. Hình ảnh ông đồ đã trở thành dĩ vãng, vắng bóng trong cuộc sống hiện đại.  **+ 2 câu cuối:** Là một câu hỏi tu từ, một lời tự vấn của nhà thơ. Câu thơ chứa đầy cảm xúc và mang ý nghĩa khái quát. Từ hình ảnh ông đồ ngồi viết câu đối mỗi độ xuân về, nhà thơ đã nói đến cả một lớp “người muôn năm cũ”- những nhà Nho xưa.  => Câu hỏi đã toát lên niềm thương cảm chân thành cho những nhà Nho danh giá một thời nay bị lãng quên do thời cuộc thay đổi.  - Thương tiếc những giá trị tinh thần tốt đẹp của dân tộc ta nay bị tàn tạ, lãng quên.  **=> Đó chính là tinh thần dân tộc, lòng yêu nước kín đáo của nhà thơ.**  **- Ông muốn nhắn nhủ thế hệ trẻ: hãy giữ gìn và phát huy nét đẹp văn hóa của dân tộc.**   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **Hình ảnh ông đồ thời đắc ý** | **Hình ảnh ông đồ thời tàn** | | **Khung cảnh** | Bức bức tranh xuân tươi tắn, rộn rã | Bức tranh xuân tàn lụi, ảm đạm, mưa bụi, lá vàng… | | **Hình ảnh**  **ông đồ** | Ông đồ là hình ảnh *trung tâm*, tài năng được mến mộ | Ông đồ *đáng thương, cô độc,* lạc lõng, bị mọi người quên lãng. | | **Tình cảm của tác giả** | -Trân trọng, ngợi ca ông đồ  - Trân trọng chữ nho, thú chơi chữ – nét đẹp văn hoá của dân tộc. | -Xót thương cho một lớp người.  -Luyến tiếc khi nhìn thấy nét đẹp văn hóa của dân tộc bị phôi pha. |   **=> Sự tương phản làm nổi bật sự thăng trầm của số phận ông đồ, sự phai nhạt một nét đẹp văn hóa**  **=> Thể hiện cảm hứng thương người và hoài cổ của Vũ Đình Liên.** |

**GV: Tổng hợp lại kiến thức:**

**Nỗi ngậm ngùi, xót thương, hoài niệm**

****

**\*Nhiệm vụ 3. III. TỔNG KẾT**

**a. Mục tiêu**: Khái quát được nội dung, nghệ thuật của bài thơ

**b. Nội dung**:

- GV sử dụng KT chia sẻ nhóm đôi để khái quát giá trị nghệ thuật và nội dung của văn bản…

- HS làm việc cá nhân, thảo luận nhóm và báo cáo sản phẩm

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời HS

***1. Nghệ thuật:***

*- Thể thơ ngũ ngôn được sử dụng, khai thác có hiệu quả. Giọng điệu chủ yếu của bài là ngậm ngùi, trầm lắng.*

*- Kết cấu tương phản, có hình ảnh đầu cuối lặp lại.*

*- Ngôn ngữ thơ trong sáng, giản dị mà giàu sức gợi. Sử dụng hiệu quả các biện pháp tu từ.*

***2. Nội dung:***

*- Tình cảnh thất thế, tàn tạ đáng thương của ông đồ.*

*- Niềm thương cảm của tác giả trước một lớp người đang tàn tạ và nỗi nhớ tiếc cảnh cũ người xưa.*

***3. Ý nghĩa:***

*Khắc họa hình ảnh ông đồ, nhà thơ thể hiện nỗi tiếc nuối cho những giá trị văn hóa cổ truyền của dân tộc đang bị tàn phai*

**d. Tổ chức thực hiện**

**\*Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- Chia nhóm theo bàn. Giao nhiệm vụ cho các nhóm:

*? Nêu những biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản?*

*? Nội dung chính của văn bản “Ông đồ”?*

**\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

**HS** làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

**GV** hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).

**\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

**HS** báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần).

**GV** hướng dẫn và yêu cầu HS trình bày, nhận xét, đánh giá chéo giữa các nhóm.

**\*Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm.

- Nhận xét và chốt kiến thức:

|  |
| --- |
| **III. TỔNG KẾT**  **1. Nghệ thuật:**  - Thể thơ ngũ ngôn được sử dụng, khai thác có hiệu quả. Giọng điệu chủ yếu của bài là ngậm ngùi, trầm lắng.  - Kết cấu tương phản, có hình ảnh đầu cuối lặp lại.  - Ngôn ngữ thơ trong sáng, giản dị mà giàu sức gợi. Sử dụng hiệu quả các biện pháp tu từ.  **2. Nội dung:**  - Tình cảnh thất thế, tàn tạ đáng thương của ông đồ.  - Niềm thương cảm của tác giả trước một lớp người đang tàn tạ và nỗi nhớ tiếc cảnh cũ người xưa.  **3. Ý nghĩa:**  Khắc họa hình ảnh ông đồ, nhà thơ thể hiện nỗi tiếc nuối cho những giá trị văn hóa cổ truyền của dân tộc đang bị tàn phai. |

**1.Khái niệm một số biện pháp tu từ**

**a) Mục tiêu**: Nhắc lại khái niệm về một số biện pháp tu từ.

**b) Nội dung**: Trò chơi Những mảnh ghép hoàn hảo. Nhóm đôi.

**c) Sản phẩm**: Câu trả lời của HS

*1-D; 2-A; 3-E; 4-B; 5-C*

**d) Tổ chức thực hiện**

**\*Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

Yêu cầu HS ghép thông tin 2 cột để có khái niệm đúng về các biện pháp tu từ.

**\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

**GV** hướng dẫn HS đọc và ghép cột.

**HS** hoạt động nhóm đôi.

**\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

Chọn 1 cặp đôi lên trình bày.

**\*Bước 4. Kết luận, nhận định**

- HS nhận xét lẫn nhau.

- GV Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Biện pháp tu từ |  | Khái niệm |
| 1. So sánh |  | A. Gọi hoặc tả con vật, cây cối, đồ vật,… bằng những từ ngữ vốn được dùng để gọi, tả con người. |
| 2. Nhân hóa |  | B. Sử dụng từ ngữ đối lập, trái ngược nhau. |
| 3. Điệp ngữ |  | C. Gọi tên sự vật, hiện tượng, khái niệm này bằng tên sự vật, hiện tượng khái niệm khác có nét tương đồng với nó. |
| 4. Đối lập (tương phản) |  | D. Đối chiếu sự vật, hiện tượng này với sự vật, hiện tượng khác có nét tương đồng. |
| 5. Ẩn dụ |  | E. Lặp lại từ ngữ hay câu nhằm làm nổi bật ý, gây cảm xúc mạnh. |
| 1-D; 2-A; 3-E; 4-B; 5-C | | |

**\*Nhiệm vụ I. ĐỌC, TÌM HIỂU CHUNG**

**1. Tác giả**

**a) Mục tiêu:** Học sinh tìm hiểu thông tin về tác giả và tác phẩm

**b) Nội dung:** HS thực hiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm:** Nắm rõ thông tin về tác giả và tác phẩm.

*- Xuân Quỳnh sinh năm 1942 và mất năm 1988, tên đầy đủ là Nguyễn Thị Xuân Quỳnh.*

*- Quê ở làng An Khê, ven thị xã Hà Đông, tỉnh Hà Tây (nay thuộc Hà Nội).*

*- Xuân Quỳnh là một trong những nhà thơ nữ xuất sắc của Việt Nam, Xuân Quỳnh thường viết về những tình cảm gần gũi, bình dị, trong sáng của đời sống gia đình và cuộc sống hàng ngày, biểu lộ những rung cảm và khát vọng của một trái tim phụ nữ chân thành, tha thiết và đằm thắm*

*- Thơ Xuân Quỳnh trẻ trung, sôi nổi, đôn hậu, giàu nữ tính.*

**d) Tổ chức thực hiện:**

**\*Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập:**

**- GV:** Căn cứ vào phần chú thích và những hiểu biết của em về Xuân Quỳnh, hãy trình bày tóm tắt đôi điều về tác giả của bài thơ này?

**- GV:** Hãy cho biết bài thơ được sáng tác trong thời điểm nào?

**\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

Học sinh dựa vào sự chuẩn bị ở nhà để trình bày.

**\* Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- HS trình bày miệng,

-HS khác nhận xét đánh giá.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:**

+ GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức.

|  |
| --- |
| **I. Đọc, tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**  - Xuân Quỳnh sinh năm 1942 và mất năm 1988, tên đầy đủ là Nguyễn Thị Xuân Quỳnh.  - Quê ở làng An Khê, ven thị xã Hà Đông, tỉnh Hà Tây (nay thuộc Hà Nội).  - Xuân Quỳnh là một trong những nhà thơ nữ xuất sắc của Việt Nam, Xuân Quỳnh thường viết về những tình cảm gần gũi, bình dị, trong sáng của đời sống gia đình và cuộc sống hàng ngày, biểu lộ những rung cảm và khát vọng của một trái tim phụ nữ chân thành, tha thiết và đằm thắm  - Thơ Xuân Quỳnh trẻ trung, sôi nổi, đôn hậu, giàu nữ tính. |

**GV:**

*- Xuất thân trong một gia đình công chức, mồ côi mẹ từ khi còn nhỏ, xa cha, sống với bà ở La Khê - thời gian này là nguồn cảm hứng để tác giả thể hiện trong sáng tác của mình.*

*- Tập thơ đầu tay: Chồi biếc (1963). Xuân Quỳnh mất ngày 29/8/1988 trong một tai nạn giao thông cùng với chồng - nhà viết kịch hiện đại Lưu Quang Vũ và con trai út Lưu Quỳnh Thơ 13 tuổi.*

***- GV****giới thiệu 1 số tác phẩm của Xuân Quỳnh: Tơ tằm, chồi biếc (1963), Hoa dọc chiến hào (1968), Gió Lào cát trắng (1974), Lời ru trên mặt đất (1978), Sân ga chiều em đi (1978), Tự hát (1984), Hoa cỏ may - Tập thơ đạt giải thưởng văn học năm 1990 của hội nhà văn VN.*

**2. Tác phẩm**

**a) Mục tiêu**: Giúp HS

Biết được những nét chung của văn bản (Thể loại, bố cục…)

**b) Nội dung**:

GV sử dụng KT đặt câu hỏi, sử dụng phiếu học tập cho HS thảo luận nhóm.

HS dùng phiếu học tập để trả lời, làm việc cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời và phiếu học tập đã hoàn thành của HS

**d) Tổ chức thực hiện**

**\*Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- Hướng dẫn cách đọc & yêu cầu HS đọc.

- Chia nhóm lớp, giao nhiệm vụ:

*? Nêu hoàn cảnh sáng tác? Xác định thể thơ? Chỉ ra những yếu tố đặc trưng của thể thơ qua bài thơ (vần, nhịp, dòng, khổ thơ).*

*? Bài thơ gồm mấy khổ thơ? Có thể chia văn bản thành mấy phần và nội dung từng phần?*

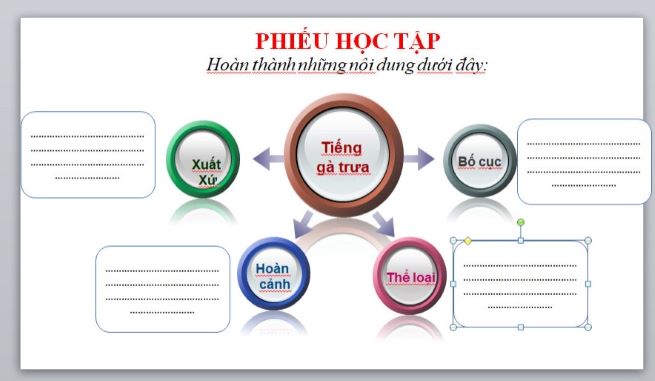
**\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

**HS**: - Đọc văn bản

- Làm việc cá nhân 2’, nhóm 5’

+ 2 phút đầu, HS ghi kết quả làm việc ra phiếu cá nhân.

+ 5 phút tiếp theo, HS làm việc nhóm, thảo luận và ghi kết quả vào ô giữa của phiếu học tập, dán phiếu cá nhân ở vị trí có tên mình.



**GV**:- Chỉnh cách đọc cho HS (nếu cần).

- Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động nhóm.

**\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

**HS**: Trình bày sản phẩm của nhóm mình. Theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

**GV***:* - Nhận xét cách đọc của HS.

- Hướng dẫn HS trình bày bằng cách nhắc lại từng câu hỏi

**\*Bước 4: Kết luận, nhận định**

Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS. Chốt kiến thức

|  |
| --- |
| **2. Tác phẩm**  **a) Đọc và tìm hiểu chú thích**  **b) Tìm hiểu chung**  **\* Hoàn cảnh sáng tác:**  Tiếng gà trưa được viết trong thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ. Bài thơ được in lần đầu trong tập thơ Hoa dọc chiến hào (1968) của Xuân Quỳnh.  **\* Thể thơ:** ngũ ngôn (5 chữ).  **\* Phương thức biểu đạt:**  Tự sự, miêu tả kết hợp biểu cảm.  **\* Bố cục Gồm 3 phần:**  -Phần 1: Từ đầu đến “Nghe gọi về tuổi thơ” (Những rung cảm ban đầu của cháu khi nghe tiếng gà trưa).  -Phần 2: Tiếp theo đến “Đi qua nghe sột soạt” (Tiếng gà trưa gợi về những kỉ niệm tuổi thơ).  -Phần 3: Còn lại. Những suy tư của cháu từ tiếng |

**\*Nhiệm vụ 2. II. TÌM HIỂU CHI TIẾT**

**1. Tiếng gà trưa làm thức dậy tình cảm làng quê**

**a) Mục tiêu:** HS hiểu được tình cảm làng quê qua âm thanh tiếng gà trưa

**b) Nội dung:** HS vận dụng sgk, kiến thức GV cung cấp để thực hiện nhiệm vụ, trả lời ra giấy nháp.

**c) Sản phẩm:** Câu trả của HS

*- Hoàn cảnh: Người cháu đang trên đường hành quân, nhìn thấy xóm làng liền ghé vào nghỉ ngơi.*

*- Âm thanh: tiếng gà “cục tác cục ta”.*

*- Tâm trạng: điệp từ “nghe” kết hợp với ẩn dụ chuyển đổi cảm giác “xao động nắng trưa”, “bàn chân đỡ mỏi”, “trở về tuổi thơ”.*

*- Tình cảm gắn bó với làng xóm quê hương - tình yêu quê hương thắm thiết, sâu nặng.*

*- Tâm hồn rộng mở, yêu làng xóm quê hương tha thiết.*

*- Sự nhạy cảm, tinh tế, yêu những gì đơn sơ, bình dị nhỏ bé nhưng rất đỗi thân thương. Một tiếng gà trưa cũng gợi mở bao cảm xúc thẳm sâu trong*

***=>*** *Tiếng gà trưa trở thành âm thanh gợi về những kỉ niệm tuổi thơ.*

**d) Tổ chức thực hiện:**

**\*Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

***- GV:****Khổ thơ 1 kể về 1 sự việc bình thường mà thú vị. Theo em đó là sự việc gì? Em có nhận xét gì về thời điểm xảy ra sự việc?*

***- GV:****Theo em, biện pháp nghệ thuật nào được sử dụng trong khổ thơ này và tác dụng của nó?*

***- GV:****Sử dụng điệp từ “nghe” cho ta thấy tác giả đã cảm nhận âm thanh tiếng gà trưa bằng những giác quan nào?*

***- GV:****Ngoài phép điệp từ, em có nhận xét gì về hình ảnh, ngôn ngữ thơ ở đây?*

***- GV:****Đường hành quân xa là đường ra trận, với người ra trận tiếng gà trưa gợi cảm giác mới lạ nào.*

***- GV:****Vậy điều đó nói lên tình cảm gì của người chiễn sĩ đối với làng xóm quê hương?*

***- GV:****Từ việc phân tích trên, em hiểu điều gì về con người, tâm hồn của tác giả?*

**\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

+ Học sinh suy nghĩ tìm ra câu trả lời,

HS thảo luận Cặp đôi hoàn thành phiếu học tập.

****

**\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- HS trả lời. GV nhận xét, bổ sung

- Thời điểm cụ thể về thời gian, không gian, nơi chốn

- Điệp từ : nghe - nhấn mạnh cảm giác khi nghe tiếng gà trưa - cảm xúc lan toả trong tâm hồn

- Thính giác, cảm nhận bằng tâm tưởng, hồi ức, bằng cảm xúc của tâm hồn. Như vậy ở đây có sự chuyển đổi cảm giác. Chữ nghe được điệp lại làm cho giọng thơ ngọt ngào hơn, tha thiết hơn, mở ra những liên tưởng đáng yêu.

- Hình ảnh ngôn ngữ chân thực, giản dị

- Nắng trưa xao động, bàn chân đỡ mỏi, tuổi thơ hiện về.

**\* Bước 4: Kết luận, nhận định:**

+ GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức:

|  |
| --- |
| **II. TÌM HIỂU CHI TIẾT**  **1. Tiếng gà trưa làm thức dậy tình cảm làng quê**  - Hoàn cảnh: Người cháu đang trên đường hành quân, nhìn thấy xóm làng liền ghé vào nghỉ ngơi.  - Âm thanh: tiếng gà “cục tác cục ta”.  - Tâm trạng: điệp từ “nghe” kết hợp với ẩn dụ chuyển đổi cảm giác “xao động nắng trưa”, “bàn chân đỡ mỏi”, “trở về tuổi thơ”.  + Tiếng gà là âm thanh của làng quê, âm thanh bình dị, thân thuộc bao đời, âm thanh mang lại niềm vui cho con người chốn thôn quê.  + Tiếng gà vang lên phá tan cái tĩnh lặng buổi trưa của làng quê, tiếng gà đem lại niềm vui.  + Tiếng gà gợi kỉ niệm ấu thơ.  - Tình cảm gắn bó với làng xóm quê hương - tình yêu quê hương thắm thiết, sâu nặng.  - Tâm hồn rộng mở, yêu làng xóm quê hương tha thiết.  - Sự nhạy cảm, tinh tế, yêu những gì đơn sơ, bình dị nhỏ bé nhưng rất đỗi thân thương. Một tiếng gà trưa cũng gợi mở bao cảm xúc thẳm sâu trong  **=> Tiếng gà trưa trở thành âm thanh gợi về những kỉ niệm tuổi thơ.**  **=> Tác giả là người có tình yêu làng quê sâu sắc.**  **lòng. Tiếng gà trưa là âm thanh đồng vọng của gia đình, làng xóm, quê hương đất nước.** |

**GV bình:** *Như vậy, tiếng gà nhảy ổ như một phép thần kì đã truyền cho người chiễn sĩ bao niềm vui, bao nghị lực. Người lính trẻ nghe tiếng gà trưa như cảm thấy trong nắng trưa đang lung linh, đang nhảy múa xôn xao trước mắt thật vui, tưởng như có làn gió mát thổi qua tâm hồn mình làm vơi đi, làm dịu bớt ánh nắng buổi trưa, như xua tan cái mệt mỏi và tiếp thêm sức mạnh để vượt qua chặng đường phía trước, sẵn sàng dấn thân vào cuộc chiến đấu đầy gian khổ. Nghe tiếng gà trưa người chiến sĩ thêm xao xuyến, mọi kỉ niệm tuổi thơ như được đánh thức, bừng dậy, ùa về.*

**2. Tiếng gà trưa gắn liền với kỉ niệm ấu thơ thân thương**

**a) Mục tiêu:** Nắm được tiếng gà trưa gắn liền với kỉ niệm ấu thơ thân thương

**b) Nội dung:** HS vận dụng sgk, kiến thức GV cung cấp để thực hiện nhiệm vụ, làm phiếu bài tập.

**c) Sản phẩm:** Đáp án của HS

*- Tiếng gà trưa đã khơi dậy hình ảnh những con gà mái với những quả trứng hồng.*

*- Những chi tiết gợi tả một màu sắc tươi sáng. Qua những chi tiết đó người đọc như thấy hiện ra hình ảnh đàn gà đẹp đẽ xinh xắn đáng yêu. Vẻ đẹp ấy gợi liên tưởng tới cuộc sống đầm ấm hiền hoà bình dị.*

***\*****Lời thơ “Này ... mái” như tiếng gọi được lặp lại trong đoạn thơ có tác dụng:*

*- Biểu hiện tình cảm nồng hậu gẫn gũi thân thương sự gắn bó của gia đình và làng quê.*

*- Kỉ niệm xem trộm gà đẻ bị bà mắng.*

*- Hình ảnh người bà chăm chút từng quả trứng để giành cho gà mái ấp.*

*- Nỗi lo lắng của người bà mỗi khi mùa đông trời  “Cứ hàng...muối”.*

*- Niềm vui thuở ấu thơ khi xuân về tết đến có được quần áo mới.*

*- Đó là lời mắng yêu. Bà có mắng cháu thì cũng xuất phát từ tình yêu thương, từ mong muốn cháu xinh đẹp có hạnh phúc.*

*Chi tiết này thể hiện chân thật tình cảm giản dị mà sâu sắc trong tình yêu bà dành cho cháu. - Luôn chiu thương, chịu khó tần tảo chắt chiu trong cảnh nghèo khổ.*

*- Nói về nỗi lo của bà khi gió mùa đông tới, khi trời có sương. Thực chất của nỗi lo đó bà lo gà hỏng không có gà bán không có tiền mua quần áo mới cho cháu.*

*- Là nỗi lo vì niềm vui của cháu. Nỗi lo ấy cho ta thấy được tình yêu thương giản dị thầm lặng của người bà quê hương.*

*- Tuổi thơ gắn liền với niềm vui bé nhỏ trong lành ở gia đình và làng quê.*

*- Vui vì có quần áo mới song vui hơn vì được sống trong sự yêu thương của bà.*

**d) Tổ chức thực hiện:**

**\*Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

**- GV:**yêu cầu HS đọc khổ thơ 2,3,4,5,6

Và yêu cầu hs làm phiếu bài tập số 2



**\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

+ Học sinh suy nghĩ tìm ra câu trả lời

***- GV:****Hình ảnh bà chắt chiu từng quả trứng gợi cho em suy nghĩ gì về bà?*

***- GV:****Những câu thơ “Cứ hàng ... áo mới” nói về điều gì?*

***- GV:****Em có nhận xét gì về nỗi lo của bà?*

***- GV:****Chi tiết niềm vui được quần áo mới gợi cho em cảm nghĩ gì về tuổi thơ và tình bà cháu?*

***- GV:****Qua tất cả những chi tiết trên, em có nhận xét gì về bà?*

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- HS trả lời. GV nhận xét, bổ sung

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:**

+ GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức

|  |
| --- |
| **2. Tiếng gà trưa gắn liền với kỉ niệm ấu thơ thân thương**  - Kỉ niệm tuổi thơ bên người bà lần lượt hiện ra qua dòng hồi tưởng của người cháu:  - Hình ảnh: con gà mái mơ - mình hoa đốm trắng, con gà mái vàng - lông óng như màu nắng. Đó là hình ảnh thân thuộc, gần gũi với nông thôn.  - Kỉ niệm: người cháu tò mò xem gà đẻ trứng, bị bà mắng “Gà đẻ mà mày nhìn/ Rồi sau này lang mặt” khiến đứa cháu lo lắng. Đó là những nỗi lo hồn nhiên và rất con trẻ.  - Hình ảnh:  - Bà khum soi trứng, chắt chiu từng quả để đem bán lấy tiền mua quần áo mới cho cháu.  - Mùa đông tới, trời trở lạnh, bà lại lo lắng đàn gà sẽ chết.  **=> Thể hiện tình cảm của bà dành cho cháu, một tình cảm yêu thương trìu mến.**  **=> Vẻ đẹp của bà chình là vẻ đẹp muôn đời của người bà, người mẹ Việt Nam, vẻ đẹp của người bà trong truyện cổ tích** |

**3. Tiếng gà trưa và những suy tư của người chiến sĩ**

**a) Mục tiêu:** Nắm được tiếng gà trưa và **n**hững suy tư của người chiến sĩ

**b) Nội dung:** HS vận dụng sgk, kiến thức GV cung cấp để thực hiện nhiệm vụ, làm phiếu bài tập.

**\* Lồng ghép giáo dục Quốc phòng và An Ninh:**

Trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam đã từng có nhiều thách thức ghê gớm: Một nghìn năm Bắc thuộc; một nghìn năm bảo vệ nền độc lập chống lại các cuộc xâm lăng của các triều đình phong kiến phương Bắc, đặc biệt là ba lần chống quân Mông Nguyên là đội quân xâm lược mạnh nhất thế giới hồi thế kỷ XIII; gần  một  trăm  năm chống ách thống trị thực dân kiểu cũ và chiến tranh xâm lược của đế quốc Pháp; hai mươi mốt năm chống ách thống trị thực dân kiểu mới và chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ. Các cuộc thách thức đều lâu dài, ác liệt. Nhưng cuộc kháng chiến chống Mỹ là thách thức lớn nhất, ác liệt nhất đối với dân tộc ta.

- Để có được nền độc lập hôm nay đã đánh đổi biết bao xương máu của các thế hệ cha ông. Do đó, trách nhiệm của chúng ta là phải giữ từng tấc đất, từng vùng trời, vùng biển của quê hương.

**c) Sản phẩm:** Đáp án của HS

*- Tiếng gà trưa đã thức dậy bao tình cảm bao kỷ niệm. Tiếng gà trưa là âm thanh bình dị của làng quê đem lại niềm yêu thương cho con người.*

*- Mơ thấy những điều tốt lành, những niềm vui và hạnh phúc.*

*- Điệp từ “vì” có tác dụng khẳng định mục đích chiến đấu, lí tưởng chiến đấu của người chiến sĩ.*

*- Mục đích vừa cao cả vừa bình dị.*

*- Ổ trứng và tiếng gà là những điều chân thật thân thương quý giá; là biểu tưọng hạnh phúc ở một miền quê. Vì thế cuộc chiến đấu hôm nay còn có thêm ý nghĩa bảo vệ những điều chân thật và quý giá đó.*

*- Là người gắn bó với gia đình, quê hương đất nước.*

**d) Tổ chức thực hiện:**

**\*Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập:**

**- GV** yêu cầu: HS đọc hai khổ thơ cuối.

**- GV**đặt câu hỏi.

**- GV:**Theo em trong “giấc ngủ ...trứng” thì con người chỉ có thể mơ thấy điều gì?

**- GV:**Trong khổ thơ cuối tác giả sử dụng những biện pháp nghệ thuật nào? Tác dụng?

? Đó là một mục đích chiến đấu như thế nào?

**- GV:**Vì sao người chiến sĩ có thể nghĩ rằng cuộc chiến đấu của mình còn là “vì.... thơ’’?

**- GV:**Tất cả những điều ấy giúp con hiểu gì về người chiến sĩ?

**\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

Học sinh suy nghĩ tìm ra câu trả lời

**\* Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- HS trả lời.

- GV nhận xét, bổ sung

**\* Bước 4: Kết luận, nhận định:**

GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức.

**\* Lồng ghép giáo dục Quốc phòng và An Ninh:**

|  |
| --- |
| **3. Tiếng gà trưa và những suy tư của người chiến sĩ**  - Ý nghĩa của tiếng gà trưa: mang bao nhiêu hạnh phúc, kỉ niệm về người bà.  - Điệp từ "vì": khẳng định mục đích chiến đấu của người chiến sĩ: bảo vệ Tổ quốc, gia đình, quê hương, mục đích lớn lao được bắt nguồn từ những gì bình thường, giản dị nhất.  => Mục đích chiến đấu cao cả, thiêng liêng thể hiện lòng yêu Tổ quốc. |

**GV bình:** như vậy đối với người chiến sĩ âm thanh của tiếng gà trưa như là nút khởi động, như là chiếc đũa thần chỉ chạm khẽ vào kí ức đã làm sống dậy những tình cảm, những kỉ niệm tuổi ấu thơ. Không những thế đối với cuộc sống hiện tại âm thanh ấy còn như lời thúc giục người chiến sĩ chiến đấu vì lí tưởng cao đẹp. Rõ ràng nếu không phải là ngưòi yêu mến và gắn bó với gia đình với quê hương đất nước thì làm sao một âm thanh rất đỗi bình dị ấy lại gợi lên trong lòng người chiến sĩ những tình cảm lớn lao cao đẹp như vậy.

**Nhiệm vụ 3. III. TỔNG KẾT**

**a) Mục tiêu:** Học sinh biết cách tổng kết nội dung kiến thức bài học.

**b) Nội dung:** HS vận dụng sgk, kiến thức GV cung cấp để thực hiện nhiệm vụ, trả lời ra giấy nháp.

**c) Sản phẩm:** Đáp án của HS

***1. Nghệ thuật***

*- Thể thơ năm chữ diễn đạt tình cảm tự nhiên.*

*-  Sử dụng các biện pháp tu từ: nhân hóa, điệp ngữ, ẩn dụ.*

***2. Nội dung:***

*- Tiếng gà trưa đã khơi gợi những kỉ niệm tuổi thơ và tình cảm bà cháu. Tình cảm gia đình đã góp phần làm cho tình cảm yêu nước trở nên sâu sắc*

**d) Tổ chức thực hiện:**

**\*Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

**- GV:**Khái quát lại những nét đặc sắc về nghệ thuật của bài thơ?

**- GV:**Nêu nội dung và ý nghĩa bài thơ?

**\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

Học sinh thảo luận, suy nghĩ tìm ra câu trả lời và ghi ra giấy nháp.

**\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

  HS đứng tại chỗ trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá.

**\*Bước 4: Kết luận, nhận định:**

 Giáo viên nhận xét, đánh giá. Chốt kiến thức

|  |
| --- |
| **III. TỔNG KẾT**  **1. Nghệ thuật**  - Thể thơ năm chữ diễn đạt tình cảm tự nhiên.  -  Sử dụng các biện pháp tu từ: nhân hóa, điệp ngữ, ẩn dụ.  **2. Nội dung:**  Tiếng gà trưa đã khơi gợi những kỉ niệm tuổi thơ và tình cảm bà cháu. Tình cảm gia đình đã góp phần làm cho tình cảm yêu nước trở nên sâu sắc |

**\*Nhiệm vụ 1: TẬP LÀM THƠ BỐN CHỮ, NĂM CHỮ**

**Tìm hiểu đặc điểm thơ 4 chữ, 5 chữ**

**a) Mục tiêu**: kiến thức cơ bản về thơ 4 chữ, 5 chữ.

**b) Nội dung**: Kỹ thuật lớp học đảo ngược, Hoạt động nhóm đôi, Sơ đồ tư duy

**c) Sản phẩm**: Câu trả lời của HS

**d) Tổ chức thực hiện**

**\*Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- Yêu cầu HS trình bày sơ đồ tư duy nêu hiểu biết về thơ 4 chữ, 5 chữ.

(GV giao việc trước cho hs trên phiếu học tập in sẵn)

**\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

**-GV** hướng dẫn HS đọc và tìm thông tin: Nguồn gốc, đặc điểm (số câu, số chữ, gieo vần, ngắt nhịp, nội dung) thơ 4 chữ, 5 chữ.

**-HS** tự tìm hiểu thông tin ở nhà. Trong giờ học thảo luận nhóm đôi, hoàn thiện sơ đồ của mình.

**\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

-Chọn 1 cặp đôi lên trình bày. Cặp đôi thống nhất chọn sơ đồ tư duy của 1 bạn và trình bày theo sơ đồ đó.

- HS nhận xét lẫn nhau.

**\*Bước 4. Kết luận, nhận định**

**-** GV Nhận xét thái độ, tinh thần chuẩn bị của hs.

- GV Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức

|  |
| --- |
| **1. Đặc điểm thơ 4 chữ, 5 chữ**  + Nguồn gốc của thơ 4 chữ: Vè, đồng dao, …  VD (video): Xúc xắc xúc xẻ (Đồng dao)  *Xúc xắc xúc xẻ*  *Năm mới năm mẻ*  *Nhà nào còn thức*  *Mở cửa cho chúng tôi…*  + Nguồn gốc của thơ 5 chữ: Hát dặm: Là thể ca 5 chữ gồm nhiều trổ (khổ), mỗi trổ thường có 5 câu, trong đó thường có một câu láy lại.  Ví dụ (video minh họa): Thuyền và bến (Hò bơi thuyền)  *Nước sông Lam dào dạt*  *Đây cảnh đẹp Nam Đàn*  *Ai đi chợ Sa Nam*  *Mà xem thuyền, xem bến*  *Thuyền xưa nay còn nhớ*  *Nơi bến cũ sông nhà*  *Dù thuyền có đi xa*  *Bến vẫn chờ, vẫn đợi*  *Dù con nước vơi đầy*  *Thuyền xuôi ngược đó đây*  *Vẫn nhớ về bến cũ*  *Thuyền vẫn về bến cũ*  - Neo đậu bến xưa (An Thuyên).  + Nhịp trong thơ: Nhịp thơ là chỗ ngắt dòng thơ, câu thơ thành từng vế khi đọc; hoặc cách xuống dòng cuối các câu thơ. Vai trò: Tạo tiết tấu, làm nên nhạc điệu của bài thơ, đồng thời góp phần biểu đạt nội dung bài thơ.  + Cách gieo vần: Là chọn các tiếng có phần vần giống nhau hoặc gần giống nhau để tạo âm điệu trong thơ.  Dựa vào vị trí của dòng thơ có chứa vần:  - Vần liền: Các câu thơ chứa vần ngay cạnh nhau.  - Vần cách: Các câu thơ chứa vần không cạnh nhau.  2. Dựa vào vị trí của vần trong dòng thơ:  - Vần chân: Tiếng chứa vần nằm cuối câu thơ.  - Vần lưng: Tiếng chứa vần nằm giữa câu thơ  **\* Bài tập nhanh: Nhận diện cách gieo vần:**  *1. Lưng mẹ còng rồi*  *Cau thì vẫn thẳng Cau-ngọn xanh rờn Mẹ-đầu bạc trắng 2. Lặng yên bên bếp lửa Vẻ mặt Bác trầm ngâm Ngoài trời mưa lâm thâm Mái lều tranh xơ xác.*  **\* Thơ 4 chữ**  - Nguồn gốc: Thể thơ bốn chữ có nguồn gốc Việt Nam, xuất hiện từ xa xưa và được sử dụng nhiều trong tục ngữ, ca dao và đặc biệt là vè, do thích hợp với lối kể chuyện.  - Mỗi dòng thơ: 4 tiếng. - Số câu không hạn định.  - Có thể chia khổ thơ, thường mỗi khổ có 4 câu.  - Ngắt nhịp: 2/2; 1/3; 3/1  - Dựa vào vị trí của vần trong câu:  + Vần lưng.  + Vần chân.  - Dựa vào vị trí của câu có chứa vần:  + Vần liền.  + Vần cách.  - Chủ đề: phong phú.  **\* Thơ 5 chữ**  - Nguồn gốc: Phổ biến trong Tục ngữ và trong hát dặm Nghệ Tĩnh. Trong thơ thì sau này người ta mới dùng.  - Mỗi dòng thơ: 5 tiếng.  - Số câu không hạn định.  - Có thể chia khổ thơ, thường mỗi khổ có 4 câu.  - Ngắt nhịp: 2/3; 3/2; 1/2/2; 4/1; 1/4.  - Dựa vào vị trí của vần trong câu:  + Vần lưng.  + Vần chân.  - Dựa vào vị trí của câu có chứa vần:  + Vần liền.  + Vần cách.  - Chủ đề: phong phú.  - VD 1 số bài thơ 4 chữ, 5 chữ.  VD1: Vần chân – vần cách.  VD2: Vần chân – vần liền. |

**Nhiệm vụ 2: VIẾT ĐOẠN VĂN GHI LẠI CẢM XÚC SAU KHI ĐỌC XONG MỘT BÀI THƠ BỐN CHỮ, NĂM CHỮ**

**1.Tìm hiểu tri thức về kiểu văn bản**

**a) Mục tiêu:** HS phân biệt được điểm giống và khác nhau giữa đoạn văn và bài văn; yêu cầu về hình thức và nội dung của một đoạn văn.

**b) Nội dung:**

-Điểm giống và khác nhau giữa bài văn và đoạn văn.

-Yêu cầu đối với đoạn văn ghi lại cảm xúc về bài thơ 4,5 chữ

**c) Sản phẩm:**

**Phiếu học tập số 1**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Bài văn** | **Đoạn văn** |
| **Giống nhau** |  | |
| **Khác nhau** |  |  |

**d)Tổ chức thực hiện**

**\*Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

GV hỏi:

*1. Nêu điểm giống và khác nhau giữa bài văn và đoạn văn (Bố cục, dung lượng, hình thức trình bày)?*

*2. Từ đó rút ra yêu cầu khi viết một đoạn văn ghi lại cảm xúc về bài thơ 4,5 chữ?*

- GV yêu cầu học sinh HS trả lời các yêu cầu của phiếu học tập số 1.

- Thảo luận nhóm (cặp đôi hoặc bàn) về các yêu cầu của phiếu học tập số 1.

**\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- GV yêu cầu HS đọc mục Định hướng trong SGK kết hợp với bài soạn, nêu các yêu cầu của đoạn văn.

- **GV** đặt câu hỏi, giao phiếu bài tập, hoạt động nhóm. - **HS** suy nghĩ, thảo luận cặp đôi/ nhóm bàn

- HS trao đổi, thảo luận, bổ sung, sửa chữa hoàn thiện phiếu học tập số 1.

**\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

-GV gọi một số HS trình bày.

-HS -Trình bày kết quả phiếu học tập số 1.

- Theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần).

**\*Bước 4: Kết luận, nhận định:**

**-**GV nhận xét, chuẩn hóa kiến thức:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **Bài văn** | **Đoạn văn** | | **Giống nhau** | - Đều có bố cục 3 phẩn: Mở, thân, kết và có chức năng giống nhau.  - Trình bày một nội dung trọn vẹn (cảm xúc về một bài thơ bốn chữ, năm chữ) | | | **Khác nhau** | * Dung lượng lớn hơn, gồm nhiều đoạn văn tạo thành   - Có phần tách đoạn, phân tách ý bằng cách xuống dòng.  - Các ý được triển khai chi tiết hơn, cụ thể hơn. | - Dung lượng ngắn hơn  - Một đoạn do nhiều câu tạo thành, được bắt đầu bằng chữ viết hoa lùi đầu dòng và kết thúc bằng dấu chấm xuống dòng.  - Các ý triển khai một cách khái quát. |   \* Yêu cầu đối với đoạn văn ghi lại cảm xúc về bài thơ 4,5 chữ:  **\* Về hình thức:**  - Đoạn văn thường do nhiều câu tạo thành, được bắt đầu bằng chữ viết hoa lùi đầu dòng và kết thúc bằng dấu chấm xuống dòng.  - Bố cục gồm 3 phần: Mở đoạn, Thân đoạn, Kết đoạn.  **\* Về nội dung:** Các câu cùng hướng vào một chủ đề, biểu đạt một nội dung tương đối trọn vẹn. |

**2. Phân tích kiểu văn bản**

**a. Mục tiêu:** HS biết viết đoạn văn đúng quy trình các bước và đảm bảo các yêu cầu về hình thức, nội dung.

**b. Nội dung:**

**-** GV hướng dẫn HS phân tích đề bài và tiến hành các bước chuẩn bị (trước khi viết) bằng phiếu học tập.

- HS viết bài.

- Đánh giá bằng bảng kiểm.

**c. Sản phẩm:**

***\* Sản phẩm dự kiến:***

-Đề bài: Em hãy viết đoạn văn phát biểu cảm nghĩ về một trong các bài thơ bốn chữ, năm chữ đã học (Ông đồ - Vũ Đình Liên).

-Đoạn văn tham khảo:Viết đoạn văn nêu cảm nghĩ về bài thơ “Mẹ”

+Chuẩn bị.

+Tìm ý và lập dàn ý

+Viết bài.

+ Kiểm tra và chỉnh sửa.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\* Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập:**

- GV phát ***phiếu học tập*** cho học sinh.

|  |  |
| --- | --- |
| **Định hướng** | **Dự kiến** |
| Bài thơ nào của tác giả nào để lại cho em nhiều ấn tượng / em yêu thích nhất? |  |
| Em có ấn tượng hoặc yêu thích các chi tiết nội dung hoặc yếu tố nghệ thuật nào của bài thơ? (Có thể chỉ lựa chọn một chi tiết nội dung hoặc nghệ thuật đặc sắc, độc đáo) |  |
| Vì sao em yêu thích các chi tiết đó? (Hoặc các chi tiết đó có ý nghĩa như thế nào?) |  |
| Bài thơ đã gợi cho em những suy nghĩ, cảm xúc gì? |  |

**\* Bước 2:Thực hiện nhiệm vụ:**

- GV: Hướng dẫn HS đọc các gợi ý trong SGK/53,54 và hoàn thiện các yêu cầu trong phiếu học tập.

- HS: Đọc những gợi ý trong SGK và lựa chọn đề tài.

+ Tìm ý bằng việc hoàn thiện phiếu.

+ Lập dàn ý và viết bài theo dàn ý.

+ Sửa lại bài sau khi viết.

**\* Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- Giai đoạn 1:

+ GV: Gọi một số HS trình bày phần tìm ý của cá nhân.

+ HS: Lắng nghe, trao đổi, thảo luận, chỉnh sửa, hoàn thiện ý tưởng.

- Giai đoạn 2:

+ HS viết bài.

+GV gọi một số HS trình bày bài viết của cá nhân.

- HS: Trình bày bài viết của cá nhân.

- Theo dõi, nhận xét, đánh giá bài viết của bạn dựa trên bảng kiểm.

**\* Bước 4: Kết luận, nhận định:**

- GV nhận xét sản phẩm của HS, rút kinh nghiệm và chốt kĩ năng, phẩm chất cần đạt.

- Yêu cầu học sinh về nhà hoàn thiện bài viết sau chỉnh sửa.

- GV đọc đoạn văn mẫu, học sinh tham khảo.

|  |
| --- |
| Bài thơ “ Mẹ” của nhà thơ Đỗ Trung Lai là một trong những bài thơ hay viết về mẹ. (2) Đọc bài thơ em vô cùng xúc động. (3) Xuyên suốt bài thơ là hình ảnh sóng đôi: mẹ và cau. (4) Nhà thơ đã chọn một thứ cây rất gần gũi trong đời sống ở mỗi làng quê cùng nghệ thuật đối lập qua từng khổ thơ đã đem đến cho người đọc những cảm nhận hết sức chân thực: “Lưng mẹ còng rồi/Cau thì vẫn thẳng/Cau - ngọn xanh rờn/Mẹ - đầu bạc trắng”. (5) Lời thơ ngỡ như lời nhận xét thông thường những đằng sau mỗi con chữ là bao đắng đót, xót xa của con khi nhận ra thời gian, nỗi vất vả cuộc đời đã hằn lên lưng còng, trên mái đầu bạc trắng của mẹ. (6) Không cần nhiều lời chỉ qua hai hình ảnh lưng còng và mái đầu bạc trắng của đã cho cúng ta thấy được công lao của mẹ; sự nhọc nhằn, đắng cay me trải qua để nuôi con khôn lớn, trưởng thành. (7) Cùng với thời gian, cau ngày càng cao, mẹ ngày một thấp: “ Cau gần với giời/Mẹ thì gần đất” đọc lên nghe thật xót xa. (8) Khoảng cách về sự gần đất của mẹ theo cả nghĩa đen và nghĩa bóng cho thấy quỹ thời gian của mẹ không còn nhiều. (9) Mẹ như ngọn đèn trước gió, như chuối chín cây, thời khắc con không còn mẹ đang đến ngày một gần. (10) Thời gian làm mẹ ngày một già đi, răng rụng dần nên miếng cau nhỏ nhưng vẫn khó khăn với mẹ. (11) Đọc những vần thơ ấy, ai không rưng rưng nghẹn ngào, không thảng thốt giật mình nghĩ tới mẹ của mình để rồi tự vấn lương tâm “ mình đã làm được gì cho mẹ?” giống như nhà thơ, kết thúc bài thơ bằng câu hỏi tu từ không lời đáp: “Ngẩng hỏi giời vậy/- Sao mẹ ta già?/Không một lời đáp/ Mây bay về xa”. (12) Với thể thơ 4 chữ, hình ảnh thơ mộc mạc gần gũi cùng nghệ thuật đối lập tương phản, bài thơ đã gây bao xúc động trong lòng người đọc bởi cảm xúc chân thành, chạm đến tình cảm thiêng liêng nhất của mỗi người: TÌNH MẪU TỬ. (13) Chúng ta, những người làm con hãy ghi nhớ công ơn trời biển của cha mẹ và hãy làm sao để nụ cười luôn nở trên môi của mẹ nhé. |

**NỘI DUNG 6: NÓI VÀ NGHE** **TRAO ĐỔI VỀ MỘT VẤN ĐỀ**

**1. ĐỊNH HƯỚNG**

**a) Mục tiêu:**

- HS xác định được mục đích nói và người nghe

- Chuẩn bị nội dung thuyết trình

**b) Nội dung:**

- GV hỏi & nhận xét, đánh giá câu trả lời của HS.

- HS trả lời câu hỏi của GV & nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**c) Sản phẩm:** Các câu trả lời của học sinh

**d) Tổ chức thực hiện:**

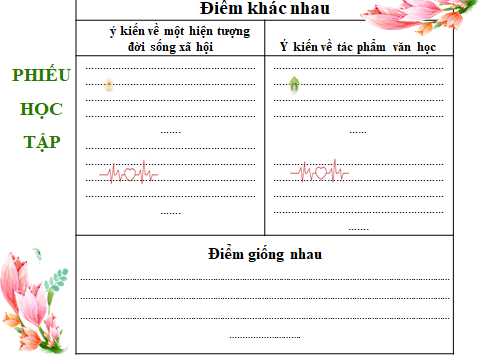
**d1.Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

***\* Nhiệm vụ 1:* Phân biệt giữa việc nêu ý kiến về một hiện tượng đời sống xã hội với nêu ý kiến về một tác phẩm văn học.**

- HS thực hiện câu hỏi

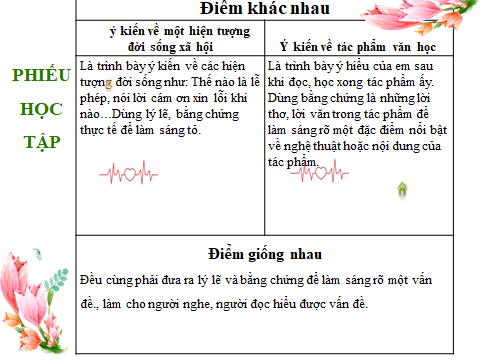
*? Em hãy nêu điểm giống và khác nhau giữa việc nêu ý kiến về một hiện tượng đời sống xã hội với nêu ý kiến về tác phẩm văn học?*

-Hs làm việc nhóm (bàn) qua phiếu học tập (2 p).



-Các nhóm nhận xét chéo sản phẩm của nhau

-Gv:Chốt, Đưa đáp án qua phiếu học tập.

****

***\*Nhiệm vụ 2. Xác định yêu cầu, định hướng đề bài.***

- GV yêu cầu HS đọc lại phần *Định hướng* và nêu những băn khoăn, thắc mắc.

- GV yêu cầu học sinh xem lại phần thực hành Đọc hiểu trước đó (bài thơ *Tiếng gà trưa*) vì phần này sẽ cung cấp tư liệu cho các HĐ nói-nghe.

- GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua hệ thống câu hỏi

? Xác định nội dung cần trao đổi là gì

- Là bài thơ Tiếng gà trưa

- Lựa chọn vấn đề cần trao đổi là gì?

- Là một đặc điểm nổi bật về nghệ thuật / nội dung của bài thơ.

-GV: Cần có sự chuẩn bị về bài thơ bằng việc xem lại nội dung đọc hiểu bài thơ *Tiếng gà trưa.*

**Lưu ý. YÊU CẦU, ĐỊNH HƯỚNG**

**(1)-** Lựa chọn các vấn đề cần trao đổi.

**-** Xác định các nội dung, ý kiến cần trao đổi. .

**-**Trao đổi, thảo luận trong nhóm về vấn đề đó.

**-** Khi trao đổi cần nêu rõ cách hiểu hoặc quan điểm của bản thân đồng thời tôn trọng các ý kiến khác.

- Cần xác định được nét đặc sắc về giá trị nghệ thuật mà em đã chọn làm bật lên nội dung của bài thơ.

**\*Nhiệm vụ 3:**

Hs thực hiện câu hỏi của gv

? *Nêu các bước để thực hiện bài trình bày*

Hs trả lời cá nhân

Gồm các bước:

- Bước 1: Định hướng (đã thực hiện ở trên)

- Bước 2: Chuẩn bị

a, Tìm hiểu đề

b, Tìm ý và lập dàn ý

- Bước 3:Thực hành luyện nói và nghe.

- Bước 4:Trao đổi, góp ý, chỉnh sửa.

- HS nhận nhiệm vụ

D2. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS suy nghĩ câu hỏi của GV.

**D3.Bước 3: Thảo luận, báo cáo**

HS trả lời cá nhân câu hỏi của GV.

**\* Tìm hiểu đề**

*? Trong phần tìm hiểu đề, các em cần làm gì?*

*Gạch chân chú ý các từ: Bài thơ Tiếng gà trưa, nghệ thuật/ nội dung đặc sắc.*

*? Hiểu thế nào là đặc sắc?*

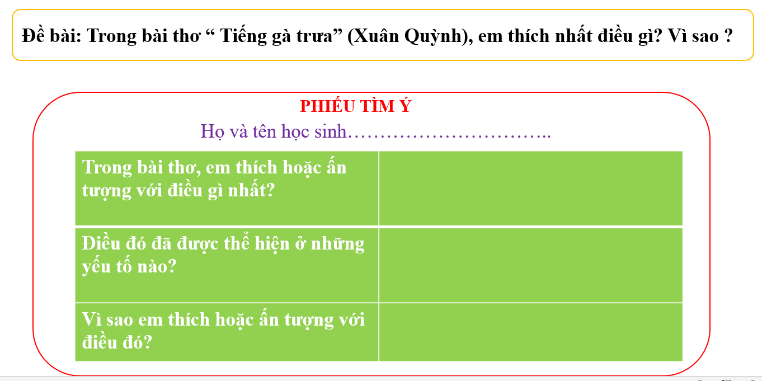
*Là nổi bật, gây ấn tượng khiến em chú ý.*

*? Em phát hiện ra nghệ thuật đó bằng cách nào?*

*Đọc nhiều lần và tìm ra dấu hiệu nhận biết.*

*Chẳng hạn: Biện pháp điệp ngữ là nhắc đi nhắc lại nhiều lần một từ, ngữ hay đoạn nào đó nhằm nhấn mạnh ý tưởng, cảm xúc…*

**\* Tìm ý:** Hs thảo luân (cặp đôi) qua phiếu tìm ý



- Hs trả lời câu hỏi của GV

- GV chốt

**\* Lập dàn ý:**

- Chia nhóm 4 học sinh/ bàn trao đổi về dàn ý bài thuyết trình.

- Học sinh tập trình bày trong nhóm và góp ý cho nhau.

- Đại diện nhóm lên trình bày trước lớp (Có dàn ý cho cả lớp xem).

**D4.Bước 4: Kết luận, nhận định**

GV: Nhận xét câu trả lời của HS và nhắc lại các bước trình bày bài nói, chuyển dẫn sang mục sau.

**2:TRÌNH BÀY BÀI NÓI**

**a) Mục tiêu:** Giúp HS

- Luyện kĩ năng nói cho HS

- Giúp HS nói đúng nội dung giao tiếp và biết một số kĩ năng nói trước đám đông.

**b) Nội dung:**

GV yêu cầu: HS nói theo dàn ý đã chuẩn bị & nhận xét HĐ nói của bạn.

**c) Sản phẩm:**

Sản phẩm nói của học sinh.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**\*Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

GV yêu cầu HS xem lại phần chuẩn bị cho bài thuyết trình.

**\*Bước 2:** - Chia nhóm (bàn) trao đổi về dàn ý bài thuyết trình

Học sinh tập trình bày trong nhóm và góp ý cho nhau

**\*Bước 3:** Đại diện nhóm lên trình bày trước lớp.

GV hướng dẫn HS nói

**\*Bước 4: Kết luận, nhận định**

- Nhận xét hoạt động của HS

- Tôn trọng các ý kiến khác nhau

- Chú ý lí lẽ và dẫn chứng phải chọn lọc, tiêu biểu có sức thuyết phục

- Đại diện nhóm lên trình bày trước lớp (Dựa vào dàn ý để trình bày).

**3:TRAO ĐỔI VỀ BÀI NÓI**

**TRAO ĐỔI, CHỈNH SỬA**

**a) Mục tiêu***:* Giúp HS

- Biết nhận xét, đánh giá về HĐ nói của nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí.

- Thấy được ưu điểm và tồn tại của bài nói.

- Chỉnh sửa bài nói cho mình và cho bạn.

**b) Nội dung***:*

- GV yêu cầu HS nhận xét, đánh giá HĐ nói dựa trên các tiêu chí.

- HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm và trình bày kết quả.

**c) Sản phẩm***:* Lời nhận xét về HĐ nói của từng HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**\*Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

**Giáo viên:**

\* Trình / gắn bảng phiếu đánh giá hoạt động nói theo các tiêu chí.

- GV: Đưa ra phiếu tiêu chí đánh giá

PHIẾU TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ



- GV hướng dẫn các nhóm cho điểm bài nói nhóm bạn dựa vào phiếu tiêu chí trên , cho điểm vào phiếu nhận xét, thang điểm 10

PHIẾU NHẬN XÉT

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tên** | **Nội dung** | **Diễn đạt** | **Tác phong** | **Điểm** |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

\* Yêu cầu HS đánh giá:

\* GV đặt thêm câu hỏi:

*+ Với người nghe: Em thích nhất điều gì trong phần trình bày của bạn? Nếu muốn thay đổi, em muốn thay đổi điều gì trong phần trình bày của bạn?*

*+ Với người nói: Em tâm đắc nhất điều gì trong phần trình bày của mình? Em muốn trao đổi, bảo lưu hay tiếp thu những góp ý của các bạn và thầy cô? Nếu được trình bày lại, em muốn thay đổi điều gì?*

**- Học sinh:**  tiếp nhận nhiệm vụ.

**\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

**-GV:** Hướng dẫn HS nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu tiêu chí.

**-HS**: Ghi nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn ra phiếu nhận xét.

**\*Bước 3: Thảo luận, báo cáo**

- **GV** yêu cầu HS nhận xét, đánh giá.

- **HS** nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu đánh giá các tiêu chí nói.

**\*Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét hoạt động nói của HS, nhận xét ý kiến của HS và chốt kiến thức



**3. Hoạt động 3: Luyện tập** (Dự kiến thời gian 205 phút)

**NỘI DUNG 1: ĐỌC HIỂU VĂN BẢN 1: MẸ**

**a) Mục tiêu:**Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.

**b) Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao.

**c) Sản phẩm:**Bài vẽ thể hiện phù hợp nội dung văn bản.

**d) Tổ chức thực hiện**

**\*Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**: Giáo viên giao bài tập cho HS

**Bài tập**:Vẽ sơ đồ tư duy khái quát nội dung bài học.

**\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

**-HS** vẽ tranh minh họa, vẽ SĐTD

**\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

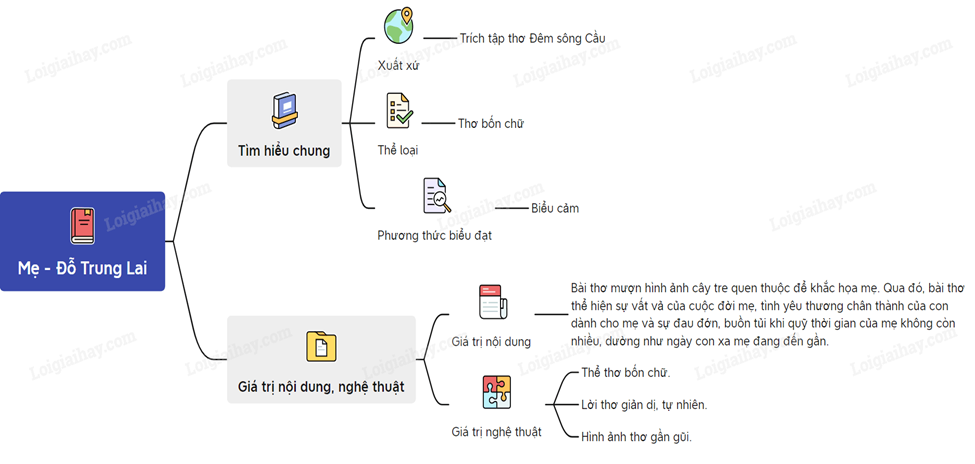
- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

**\*Bước 4: Kết luận, nhận định:**

**-**GV đánh giá bài làm của HS bằng điểm số.

SĐTD:

****

**NỘI DUNG 2: ĐỌC HIỂU VĂN BẢN 2: ÔNG ĐỒ**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học để chơi trò chơi ô chữ.

**b) Nội dung:** HS hoạt động cá nhân => trả lời các câu hỏi trong trò chơi.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện**

1.Ô chữ có 11 chữ cái. Đây là một trong những nguồn cảm hứng lớn trong thơ Vũ Đình Liên.

**\*Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**: Giáo viên giao bài tập cho HS? Hoàn thiện ô chữ trong trò chơi

2.Ô chữ có 6 chữ cái. Đây là tín hiệu mùa xuân đồng hiện với hình ảnh ông đồ trong khổ thơ thứ nhất.

3.Ô chữ có 9 chữ cái. Thủ pháp nghệ thuật nổi bật được sử dụng trong bài thơ?

dụng trong bài thơ *Ông đồ.*

Ô chữ có 6 chữ cái. Điền vào phần chấm của câu văn:

*Hình ảnh ông đồ dần biến mất sau làn ………*

Ô chữ có 6 chữ cái. Đây là thú chơi tao nhã của ông cha dịp Tết đến xuân về.

Ô chữ có 8 chữ cái. Điền vào phần chấm của hai câu thơ sau: *Năm nay đào lại nở, / Không thấy ………*

Từ chìa khóa: Ô chữ có 7 chữ cái. Một trong hai cảm hứng chính trong thơ Vũ Đình Liên?

**\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

**GV:** Chiếu trò chơi

**HS:** Chọn câu hỏi và trả lời – Tìm ra chữ chìa hóa: **HOÀI CỔ**

**\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

**GV**:

- Yêu cầu HS lên trình bày.

- Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần).

**HS**:

- Trình bày kết quả làm việc nhóm đôi

- Nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

**\*Bước 4: Kết luận, nhận định**

- Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc nhóm của HS.

- Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.

**NỘI DUNG 3: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT: TỪ TRÁI NGHĨA, BIỆN PHÁP TU TỪ**

**1. Nêu tác dụng của biện pháp tu từ**

**a) Mục tiêu**: Giúp HS

- Nhận biết các biện pháp tu từ.

-Nêu tác dụng của biện pháp tu từ trong các câu thơ, đoạn thơ.

**b) Nội dung**:

- GV sử dụng Kỹ thuật mảnh ghép cho HS thảo luận.

- HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thiện nhiệm vụ.

- HS trình bày sản phẩm, theo dõi, nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

**c) Sản phẩm:** Phiếu học tập của HS đã hoàn thành, câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện**

**\*Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

***\* Vòng chuyên gia (8 phút: 4p cá nhân, 4p thảo luận nhóm)***

- Chia lớp ra làm 4 nhóm (Dãy A: Nhóm 1A, 2A; Dãy B: Nhóm 1B, 2B):

**-** Yêu cầu các em ở mỗi nhóm đánh số 1,2-1,2-…

- Phát phiếu học tập cho cá nhân (Đủ tất cả các câu hỏi của 2 vòng thảo luận).

**Câu hỏi thảo luận vòng chuyên gia: Tìm và nêu tác dụng của biện pháp tu từ (tác dụng diễn đạt, tác dụng biểu thị nội dung, tác dụng thể hiện tình cảm của tác giả)?**

**Bài 1. (Biện pháp đối lập)**

*Lưng mẹ còng rồi*

*Cau thì vẫn thẳng  
Cau-ngọn xanh rờn  
Mẹ-đầu bạc trắng  
  
Cau ngày càng cao  
Mẹ ngày một thấp  
Cau gần với giời  
Mẹ thì gần đất!*

**Bài 2. (Biện pháp so sánh)**

*Một miếng cau khô  
Khô gầy như mẹ  
Con nâng trên tay  
Không cầm được lệ*

**Bài 3. (Câu hỏi tu từ)**

*Ngẩng hỏi giời vậy  
- Sao mẹ ta già?  
Không một lời đáp  
Mây bay về xa.*

**Bài 4. (Câu hỏi tu từ)**

*Năm nay đào lại nở  
Không thấy ông đồ xưa  
Những người muôn năm cũ  
Hồn ở đâu bây giờ?*

**Nhóm 1A, 1B: Bài 1,2.**

**Nhóm 2A, 2B: Bài 3,4.**

***\* Vòng chia sẻ (7 phút)***

**-** Tạo nhóm mới trong từng dãy A, B (các em số 1 tạo thành nhóm I mới, số 2 tạo thành nhóm II mới) & giao nhiệm vụ mới:

- 4p: Chia sẻ kết quả thảo luận ở vòng chuyên gia?

- 3p: Hoàn thành câu hỏi nhận xét chung:

***Nhận xét chung về tác dụng của các biện pháp tu từ?***

**\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

**-HS**: Làm việc theo các bước hướng dẫn ở trên.

**-GV** theo dõi, hỗ trợ cho HS (nếu HS gặp khó khăn).

**\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

**-GV**:- Yêu cầu đại diện của một nhóm lên trình bày.

- Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).

**HS:** - Đại diện 1 nhóm lên bày sản phẩm:

+ Cách thức: mỗi nhóm trình bày 1 nội dung. Gv hỗ trợ: Chụp ảnh nội dung thảo luận của nhóm, chiếu trên màn hình.

+ Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.

**\*Bước 4: Kết luận, nhận định học tập**

Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong HĐ nhóm của HS.Chốt kiến thức

**2. Hướng dẫn HS làm các bài tập SGK**

**a) Mục tiêu**: Giúp HS

- Nhận biết các biện pháp tu từ.

- Nêu tác dụng của biện pháp tu từ trong các câu thơ, đoạn thơ.

**b) Nội dung**:

- GV giao nhiệm vụ

- HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thiện nhiệm vụ.

- HS trình bày sản phẩm, theo dõi, nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

**c) Sản phẩm:** câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện**

**\*Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

Yêu cầu HS đọc và thực hiện các bài tập SGK

**\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

**-GV** hướng dẫn HS thực hiện

**-HS** hoạt động cá nhân, nhóm đôi.

**\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

Cá nhân, đại diện nhóm báo cáo

**\*Bước 4. Kết luận, nhận định**

- HS nhận xét lẫn nhau.

- GV Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức.

|  |
| --- |
| **1. Bài 1**- Biện pháp đối lập:  + Lưng mẹ còng – cau vẫn thẳng.  + Cau xanh rờn – Đầu mẹ bạc trắng.  + Cau càng cao – Mẹ càng thấp.  + Cau gần trời – Mẹ gần đất.  - Tác dụng:  + Làm cho lời thơ hay, sinh động hơn.  + Nhấn mạnh: Dấu vết thời gian trên dáng hình của mẹ.  + Thể hiện tình cảm của nhà thơ: yêu mẹ, thương mẹ ngày càng già yếu.  **2. Bài 2**  - Biện pháp so sánh:  + Miếng cau khô gầy như mẹ.  - Tác dụng:  + Làm cho lời thơ hay, sinh động hơn.  + Nhấn mạnh sự gầy gò, già yếu của mẹ.  + Thể hiện tình cảm của nhà thơ: xót xa trước sự già nua của mẹ.  **3. Bài 3**  - Câu hỏi tu từ:  + *Sao mẹ ta già?*  - Tác dụng:  + Làm cho lời thơ hay, sinh động hơn.  + Khẳng định tuổi già của mẹ.  + Thể hiện tình cảm của nhà thơ: thương mẹ tuổi cao, sức yếu.  **4. Bài 4**  - Câu hỏi tu từ:  + *Hồn ở đâu bây giờ?*  - Tác dụng:  + Làm cho lời thơ hay, sinh động hơn.  + Thể hiện tình cảm của nhà thơ: tiếc nuối một nét đẹp văn hóa dân tộc đã bị phai tàn.  \* ***Nhận xét đặc điểm chung về tác dụng của các biện pháp tu từ:***  - Tác dụng với sự diễn đạt: Lời thơ hay và giàu sức biểu cảm hơn.  - Tác dụng biểu thị nội dung: Nhấn mạnh nội dung được thể hiện.  - Tác dụng thể hiện tình cảm của tác giả. |

**NỘI DUNG 4: THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU VĂN BẢN: TIẾNG GÀ TRƯA**

***– Xuân Quỳnh –***

**a) Mục tiêu*:*** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.

**b) Nội dung*:*** HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao.

**c) Sản phẩm*:*** Bài vẽ hoặc viết đoạn văn thể hiện phù hợp nội dung văn bản

**d) Tổ chức thực hiện**

**\*Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

**GV:**Đọc diễn cảm bài thơ và hoàn thành nội dung bài thơ bằng sơ đồ tư duy.

**\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

Học sinh tự vẽ sơ đồ tư duy.

**\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

HS trình bày kiết quả.

**\*Bước 4: Kết luận, nhận định:**

 Giáo viên nhận xét, đánh giá

|  |
| --- |
| Sơ đồ tư duy Tiếng gà trưa của Xuân Quỳnh |

**NỘI DUNG 5: VIẾT TẬP LÀM THƠ BỐN CHỮ, NĂM CHỮ**

**VIẾT ĐOẠN VĂN GHI LẠI CẢM XÚC SAU KHI ĐỌC XONG MỘT BÀI THƠ BỐN CHỮ, NĂM CHỮ**

**\*Nhiệm vụ 1: TẬP LÀM THƠ BỐN CHỮ, NĂM CHỮ**

**3.1. Thi thả thơ (Điền từ thích hợp vào chỗ trống)**

**a) Mục tiêu**: Giúp HS Biết cách chọn từ ngữ thích hợp trong thơ đảm bảo ý nghĩa câu thơ và vần, nhịp.

**b) Nội dung**: - GV sử dụng trò chơi Thả thơ.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d) Tổ chức thực hiện**

**\*Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- Hướng dẫn cách chơi.

Luật chơi: Mỗi đội cử 5 hs đại diện tham gia trò chơi. Mỗi bạn cầm 1 tờ giấy, ghi 1 từ có thể điền vào chỗ trống. Đội nào hoàn thành trước, đúng và lý giải hợp lý sẽ giành chiến thắng.

? Lựa chọn từ thích hợp để điền vào chỗ trống?

|  |  |
| --- | --- |
| 1. *(Ngay, trong, đây)*  *Bóng bàng tròn lắm*  *Tròn như cái nong*  *Em ngồi vào …..*  *Mát ơi là mát!*  2. *(băm, cày, lao)*  *(mịt, sương, mờ)*  *Ngựa phăm phăm bốn vó*  *Như … xuống mặt đường*  *Mặc sớm rừng mù ….*  *Mặc đêm đông giá buốt.*  3. *Trung thu đón trăng sáng*  *Trời bỗng mù mịt …*  *Em thở dài ngao ngán*  *Trăng ướt nhòe, buồn chưa!* | *4. Trung thu đón trăng sáng*  *Trời bỗng mù mịt sương*  *Em thở dài ngao ngán*  *Trăng ướt nhòe, buồn …* !  *5. Bé em ơi hãy ngủ*  *Ba mẹ đi làm rồi*  *Ngủ ngoan nhé …*  *Trong lời ru của chị*  *Gió hiu hiu thổi …*  *Thơm hương bưởi nồng nàn*  *Hoa cúc thắm nắng …*  *Nghiêng vào trong giấc ngủ.* |

**\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

**HS**: Dán từ cần điền vào chỗ trống.

**\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

**HS**:

- Trả lời câu hỏi của giáo viên.

- Nhận xét câu trả lời của bạn.

**\*Bước 4: Kết luận, nhận định**

- Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS.

- Chốt kiến thức và kết luận đội thắng cuộc.

|  |
| --- |
| 1. Bóng bàng tròn lắm  Tròn như cái nong  Em ngồi vào ***trong***  Mát ơi là mát!  2. Ngựa phăm phăm bốn vó  Như ***băm*** xuống mặt đường  Mặc sớm rừng mù ***sương***  Mặc đêm đông giá buốt.  3. Trung thu đón trăng sáng  Trời bỗng mù mịt ***mưa***  Em thở dài ngao ngán  Trăng ướt nhòe, buồn chưa!  4. Trung thu đón trăng sáng  Trời bỗng mù mịt sương  Em thở dài ngao ngán  Trăng ướt nhòe, buồn ***thương*!**  5. Bé em ơi hãy ngủ  Ba mẹ đi làm rồi  Ngủ ngoan nhé ***bé ời***  Trong lời ru của chị  Gió hiu hiu thổi ***nhẹ***  Thơm hương bưởi nồng nàn  Hoa cúc thắm nắng ***vàng***  Nghiêng vào trong giấc ngủ. |

**3.2Viết tiếp một số câu thơ theo dòng thơ mở đầu cho sẵn**

**a) Mục tiêu**: Giúp HS

Tập phát triển một số câu thơ theo chủ đề được gợi ý.

**b) Nội dung**:

- GV sử dụng Kỹ thuật thảo luận nhóm.

- HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thiện nhiệm vụ.

- HS trình bày sản phẩm, theo dõi, nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

**c) Sản phẩm:** Phiếu học tập của HS đã hoàn thành, câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện**

**\*Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- Chia lớp ra làm 4-6 nhóm (Mỗi dãy gồm 2-3 nhóm):

-Viết tiếp để tạo thành bài thơ 4 chữ, 5 chữ (từ 4 đến 8 câu)

**Dãy A: Mùa xuân xinh tươi**

**Dãy B: Ngày đầu em đến lớp**

**\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

**-HS**: Làm việc theo nhóm.

**-GV** theo dõi, hỗ trợ cho HS (nếu HS gặp khó khăn).

**\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

**GV**:- Yêu cầu đại diện của một nhóm lên trình bày.

- Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).

**HS:** - Đại diện 1 nhóm lên bày sản phẩm:

- Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.

**\*Bước 4: Kết luận, nhận định**

- Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong HĐ nhóm của HS.

**3.3. Tập làm một bài thơ 4 chữ, 5 chữ.**

**a) Mục tiêu**: Giúp HS

Tập làm một bài thơ theo chủ đề được gợi ý.

**b) Nội dung**:

- GV sử dụng Kỹ thuật thảo luận nhóm.

- HS làm việc cá nhân, làm việc theo cặp để hoàn thiện nhiệm vụ.

- HS trình bày sản phẩm, theo dõi, nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

**c) Sản phẩm:** Phiếu học tập của HS đã hoàn thành, câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện**

**\*Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

Hs tự làm một bài thơ 4 chữ, 5 chữ theo các chủ đề: Người thân, kỷ niệm, loài cây, con vật,…

**\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

**HS**: Làm việc cá nhân.

**GV** theo dõi, hỗ trợ cho HS (nếu HS gặp khó khăn).

- Em muốn viết về đối tượng nào? Tình cảm của em với đối tượng?

- Tìm hình ảnh, sự việc ấn tượng nhất về đối tượng?

- Dự kiến sử dụng biện pháp tu từ (so sánh, nhân hóa, điệp từ,…

- Chú ý cách gieo vần, số tiếng trong dòng thơ.

**\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

**GV**:- Yêu cầu học sinh lên trình bày.

**HS**:- Cá nhân lên trình bày sản phẩm: Bài thơ của bản thân.

- Các hs khác theo dõi, quan sát, nhận xét, giúp bạn hoàn thiện bài thơ.

**\*Bước 4: Kết luận, nhận định**

- Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của học sinh, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong sản phẩm của HS.

**Nhiệm vụ 2: VIẾT ĐOẠN VĂN GHI LẠI CẢM XÚC SAU KHI ĐỌC XONG MỘT BÀI THƠ BỐN CHỮ, NĂM CHỮ**

**a) Mục tiêu:** HS biết viết đoạn văn đúng quy trình các bước và đảm bảo các yêu cầu về hình thức, nội dung.

**b) Nội dung:**

- GV hướng dẫn HS phân tích đề bài và tiến hành các bước chuẩn bị (trước khi viết) bằng phiếu học tập số 2.

- HS viết bài.

**Đề bài:** *Em hãy viết đoạn văn phát biểu cảm nghĩ về một trong các bài thơ bốn chữ, năm chữ đã học (Ông đồ - Vũ Đình Liên).*

1. Chuẩn bị.
2. Tìm ý và lập dàn ý

c. Viết bài.

d. Kiểm tra và chỉnh sửa.

- Đánh giá bằng bảng kiểm.

**c) Sản phẩm:** Phiếu học tập số 3, bài viết của học sinh và kết quả đánh giá bài viết dựa trên bảng kiểm.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**\*Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

GV trình chiếu đề bài và cung cấp phiếu học tập số 3.

**\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

GV: - Hướng dẫn HS đọc các gợi ý trong SGK/53,54 và hoàn thiện các yêu cầu trong phiếu học tập số 3.

HS:

- Đọc những gợi ý trong SGK và lựa chọn đề tài.- Tìm ý bằng việc hoàn thiện phiếu.

- Lập dàn ý và viết bài theo dàn ý.- Sửa lại bài sau khi viết.

**\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

Gọi một số HS trình bày phần tìm ý của cá nhân.

HS: Lắng nghe, trao đổi, thảo luận, chỉnh sửa, hoàn thiện ý tưởng.

GV gọi một số HS trình bày bài viết của cá nhân.

HS: Trình bày bài viết của cá nhân.

- Theo dõi, nhận xét, đánh giá bài viết của bạn dựa trên bảng kiểm.

**\*Bước 4: Kết luận, nhận định:**

- GV nhận xét sản phẩm của HS, rút kinh nghiệm và chốt kiến thức kĩ năng, phẩm chất cần đạt.

- Yêu cầu học sinh về nhà hoàn thiện bài viết sau chỉnh sửa.

**NỘI DUNG 6: NÓI VÀ NGHE** **TRAO ĐỔI VỀ MỘT VẤN ĐỀ**

**a) Mục tiêu:** HS biết tìm ý và lập dàn ý

**b) Nội dung:**  GV hướng dẫn HS tìm ý và lập dàn ý

**c) Sản phẩm:** câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

**\*Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**:

Yêu cầu học sinh làm bài luyện tập

**\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS tìm ý và lập dàn ý cho đề luyện tập.

- GV hướng dẫn HS .

**\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- GV  yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn.

**\*Bước 4: Kết luận, nhận định**

 GV nhận xét bài làm của HS.

**4. Hoạt động 4: Vận dụng** (Dự kiến thời gian 70p)

**NỘI DUNG 1: ĐỌC HIỂU VĂN BẢN 1: MẸ**

**a) Mục tiêu:**

Vận dụng kiến thức, kĩ năng, thể nghiệm giá trị đã học vào thực tiễn cuộc sống.

**b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm:** Sản phẩm của HS.



**d) Tổ chức thực hiện**

**\*Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**: (GV giao nhiệm vụ)

? Viết và gửi tặng mẹ tấm bưu thiếp.

? Sưu tầm ca dao, danh ngôn về tình mẫu tử.

**\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

**GV** hướng dẫn HS thực hiện làm bưu thiếp và viết những lời yêu thương dành tặng mẹ.

**HS** làm bưu thiếp và viết tặng mẹ suy nghĩ về bài học, suy nghĩ về mẹ hoặc chúc mẹ những điều tốt đẹp,...

**\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

**HS** có thể chia sẻ những nội dung các em viết trong bưu thiếp với cô hoặc với các bạn.

**\*Bước 4: Kết luận, nhận định**

Chia sẻ với HS suy nghĩ khi đọc những bưu thiếp của các em.

**NỘI DUNG 2: ĐỌC HIỂU VĂN BẢN 2: ÔNG ĐỒ**

**a) Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.

**b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm:** Đoạn văn thuyết trình của hs

**d) Tổ chức thực hiện**

\***Bước 1: Giao nhiệm vụ** **học tập**

\* Tích hợp kiến thức môn Mỹ thuật, lĩnh vực văn hóa.

? Trưng bày một số bức tranh về chữ Nho và phong tục viết chữ Nho của dân tộc (ở chùa đầu xuân) Học sinh nêu cảm nhận về nét văn hóa truyền thống xưa.

? Các em làm gì để giữ gìn, phát huy những nét đẹp văn hóa của dân tộc?

**\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV** gợi ý cho HS bằng việc bám sát văn bản và qua quan sát, tìm hiểu của cá nhân.

**HS:** suy nghĩ cá nhân và viết đoạn văn.

**\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

**GV** hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm trên zalo nhóm hoặc trên Padlet

**HS** nộp sản phẩm cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

**\*Bước 4: Kết luận, nhận định**

Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có) trên zalo nhóm lớp/môn…

**NỘI DUNG 3: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**: **TỪ TRÁI NGHĨA, BIỆN PHÁP TU TỪ**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học vào thực tế cuộc sống.

**b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm:** Sản phẩm của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).

**d) Tổ chức thực hiện**

**\*Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**: (GV giao nhiệm vụ)

Bài tập: Nêu tác dụng của biện pháp tu từ trong 3 đoạn thơ mà em thích (Ngoài các đoạn thơ đã làm trong sgk).

- Nộp sản phẩm bằng giấy kiểm tra

**\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

**GV** hướng dẫn HS xác nhiệm vụ.

**HS** đọc, xác định yêu cầu của bài tập và lên ý tưởng cho bài thơ.

**\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

**GV** hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm.

**HS** nộp sản phẩm cho GV theo hướng dẫn.

**\*Bước 4: Kết luận, nhận định**

Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có).

**NỘI DUNG 4: THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU:TIẾNG GÀ TRƯA**

***– Xuân Quỳnh –***

**a) Mục tiêu:**HS phát hiện các tình huống thực tiễn và vận dụng được các kiến thức, kĩ năng trong cuộc sống tương tự tình huống/vấn đề đã học.

**b) Nội dung:**GV tổ chức cho HS làm các bài tập

**c) Sản phẩm:**Đáp án của HS

**d) Tổ chức thực hiện:**

**\*Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

Viết đoạn văn biểu cảm từ 5 đến 7 câu về kỉ niệm tuổi thơ mà em ấn tượng nhất trong bài thơ Tiếng gà trưa của Xuân Quỳnh.

**\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

Học sinh thảo luận, suy nghĩ tìm ra câu trả lời và ghi ra giấy nháp.

**\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

 HS đứng tại chỗ trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá.

**\*Bước 4: Kết luận, nhận định:**

  Giáo viên nhận xét, đánh giá

**NỘI DUNG 5:VIẾT**

**TẬP LÀM THƠ BỐN CHỮ, NĂM CHỮ**

**VIẾT ĐOẠN VĂN GHI LẠI CẢM XÚC SAU KHI ĐỌC XONG MỘT BÀI THƠ BỐN CHỮ, NĂM CHỮ**

**Nhiệm vụ 1: TẬP LÀM THƠ BỐN CHỮ, NĂM CHỮ**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học vào thực tế cuộc sống.

**b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm:** Sản phẩm của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).

**d) Tổ chức thực hiện**

**\*Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**: (GV giao nhiệm vụ)

- Sưu tầm thêm bài thơ hay 4 chữ, 5 chữ.

- Nộp sản phẩm bằng giấy ktra hoặc trên phần mềm.

**\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

**GV** hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ: Tìm hiểu nguồn tư liệu ở sách, báo, internet…

**\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

**GV** hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm.

**HS** nộp sản phẩm cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

**\*Bước 4: Kết luận, nhận định**

Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có).

**Nhiệm vụ 2: VIẾT ĐOẠN VĂN GHI LẠI CẢM XÚC SAU KHI ĐỌC XONG MỘT BÀI THƠ BỐN CHỮ, NĂM CHỮ**

**a) Mục tiêu***:* Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

**b) Nội dung***:* Giáo viên giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm***:* Sản phẩm của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).

**d) Tổ chức thực hiện:**

**\*Bước 1: Giao nhiệm vụ học tâp**:

(GV giao bài tập)

Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc của em sau khi học xong bài “Tiếng gà trưa” của Xuân Quỳnh

**\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.

- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập

**\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành (dàn ý)

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).

**NỘI DUNG 6: NÓI VÀ NGHE** **TRAO ĐỔI VỀ MỘT VẤN ĐỀ**

**a) Mục tiêu:**Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

**b) Nội dung***:* Giáo viên giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm***:* Sản phẩm của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).

**d) Tổ chức thực hiện:**

**\*Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**:

(GV giao bài tập)

Bài tập: Qua 2 bài thơ: “Ông đồ” (Vũ Đình Liên), “Mẹ” (Đỗ Trung Lai) em thích nhất biện pháp nghệ thuật nào, vì sao ?

**\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.

- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

**\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.

**\*Bước 4: Kết luận, nhận định**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).

- GV chốt bài. Nhắc nhở, dặn dò học sinh những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

- GV hướng dẫn học sinh về nhà làm bài tập tự đánh giá SGK trang 56,57.

10. Hs viết được đoạn văn đảm bảo về nội dung và hình thức.

|  |
| --- |
| \*Gợi ý:  1B, 2C, 3C, 4A, 5A, 6D, 7D, 8C, 9D  **Bài viết tham khảo**  Mẹ là đề tài muôn thủa trong thi ca. Góp nhặt vào đề tài đó Đỗ Trung Lai thể hiện thành công nỗi lòng đau đớn xót xa của người con khi thấy hình ảnh mẹ ngày càng hao mòn, lưng còng đi, thấp dần đi và mái đầu bạc mà bất lực. Hình ảnh đó được thể hiện rõ nét qua những câu thơ:  *“Một miếng cau khô*  *Khô gầy như mẹ*  *Con nâng trên tay*  *Không cầm được lệ”.*  Cau khô là miếng cau chuyển từ màu xanh sang màu nâu và không thể ăn được nữa, không còn độ ngon nữa. Tác giả mượn hình ảnh cau khô để so sánh với mẹ. Nhìn miếng cau khô tác giả liên tưởng đến người mẹ già luống tuổi hanh hao mà lòng rưng rưng “không cầm được lệ”. Và hình ảnh so sánh độc đáo đó chứa sức gợi lớn trong lòng em, từ hình ảnh người mẹ của tác giả em lại nghĩ về người mẹ thân yêu của mình cũng ngày một già đi, vì thế mà em càng trân trọng mẹ và trân trọng tứ thơ này. Đoạn thơ ngắn gọn với biện pháp so sánh độc đáo đã thể hiện cái nhìn tinh tế, nỗi xúc động và tình thương mẹ sâu sắc của nhà thơ.  **I. Viết Đoạn Văn Ghi Lại Cảm Xúc Của Em Sau Khi Đọc Bài Thơ Mẹ Của Đỗ Trung Lai**  **1. Dàn ý ghi lại cảm xúc sau khi đọc bài thơ "Mẹ" của Đỗ Trung Lai.** **a. Mở đoạn:** - Giới thiệu tác giả, tác phẩm. - Giới thiệu về cảm xúc của em sau khi đọc bài thơ. **b. Thân đoạn:** - Cảm xúc về nội dung: Thông qua sự đối lập giữa cây cau và mẹ già, tác giả đã thể hiện nỗi xót xa trước hình ảnh người mẹ tuổi cao sức yếu, không còn khỏe mạnh, minh mẫn như xưa. + Hình ảnh đối lập giữa cây cau và mẹ già. + Cảm xúc trước tình cảm của nhân vật trữ tình dành cho người mẹ. - Cảm xúc về nghệ thuật: + Thể thơ bốn chữ ngắn gọn. + Phép đối. + Hình ảnh thơ trong sáng, bình dị. + Ngôn từ tinh tế. **c. Kết đoạn:** - Khái quát được cảm xúc về bài thơ.  **2. Đoạn văn mẫu ghi lại cảm xúc sau khi đọc bài thơ "Mẹ" của Đỗ Trung Lai**  Nhà thơ Đỗ Trung Lai bằng những cảm nhận tinh tế của mình đã gợi lên cho em nỗi xúc động qua bài thơ "Mẹ". Nhan đề bài thơ gói gọn trong một tiếng "Mẹ" đã bao trùm toàn bộ chủ đề và ý nghĩa văn bản. Thông qua sự đối lập giữa cây cau và mẹ già, tác giả cho em thấy được nỗi xót xa trước hình ảnh người mẹ tuổi cao sức yếu, không còn khỏe mạnh, minh mẫn như xưa. Ngày từ khổ đầu, câu thơ "Lưng mẹ còng rồi" như một lời khẳng định chắc nịch của con về tuổi già của mẹ. Hình ảnh người mẹ già nua được đặt trong sự tương phản với sức sống căng tràn, mãnh liệt của cây cau. Trong khi cau thẳng, ngọn xanh thì mẹ lưng còng, đầu bạc. Dòng chảy thời gian khiến cau ngày một cao lớn còn mẹ "ngày một thấp" đi khiến con không khỏi xót xa, chạnh lòng. Rồi mai này đây, mẹ sẽ trở về với đất. Mẹ ra đi để lại bao nỗi nhớ thương vô vọng trong lòng mỗi người. Hiện thực đau lòng trước mắt đã đưa chủ thể trữ tình quay trở về những ngày còn thơ với miếng cau mẹ bổ làm tư. Giờ đây, miếng cau bổ tám "mẹ còn ngại to" gợi ra vẻ móm mém của mẹ già. Biện pháp tu từ so sánh "Một miếng cau khô/ Khô gầy như mẹ" giúp em cảm nhận được sâu sắc nỗi buồn. Câu hỏi cuối bài thơ "Sao mẹ ta già?" đâu chỉ để hỏi trời cao mà đó còn là câu hỏi người con đặt ra cho chính bản thân mình. Nó cho thấy sự bất lực khi không thể thay đổi được quy luật: sinh - lão - bệnh - tử của người con. Bằng lời thơ giản dị, tự nhiên, thể thơ bốn chữ ngắn gọn cùng biện pháp đối "còng - thẳng", so sánh "Khô gầy như mẹ" góp phần thể hiện cảm xúc buồn tủi khi thấy mẹ già đi.  Văn mẫu Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ  **II. Viết Đoạn Văn Ghi Lại Cảm Xúc Của Em Sau Khi Đọc Bài Thơ Ông Đồ Của Vũ Đình Liên**  **1. Dàn ý đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc bài thơ Ông đồ của Vũ Đình Liên** **a. Mở đoạn:** - Giới thiệu tác giả, tác phẩm. - Giới thiệu về cảm xúc của em sau khi đọc bài thơ. **b. Thân đoạn:** - Cảm xúc về nội dung: Bài thơ khắc họa tình cảnh suy vi của ông đồ già khi Nho học thất thế, từ đó bày tỏ nỗi xót thương, đồng cảm của tác giả trước truyền thống tốt đẹp của dân tộc đang có nguy cơ mai một. + Cảm xúc phấn khởi, vui mừng trước hình ảnh ông đồ khi Nho học được coi trọng thể hiện trong hai khổ thơ đầu tiên. + Cảm xúc xót thương trước hình ảnh ông đồ khi Nho học mất dần vị thế trong đời sống thể hiện ở ba khổ thơ cuối. - Cảm xúc về nghệ thuật: + Thể thơ năm chữ ngắn gọn. + Hình ảnh thơ trong sáng, bình dị. + Ngôn từ tinh tế. + Câu hỏi tu từ "Người thuê viết nay đâu?" và "Hồn ở đâu bây giờ?". **c. Kết đoạn:** - Khái quát được cảm xúc về bài thơ.  **2. Đoạn văn mẫu ghi lại cảm xúc sau khi đọc bài thơ "Ông đồ" của Vũ Đình Liên**  Khi đọc bài thơ "Ông đồ" của tác giả Vũ Đình Liên, em không khỏi ấn tượng trước hình ảnh ông đồ già khi tết đến xuân về. Mỗi năm hoa đào nở, người dân lại thấy ông với những vật dụng quen thuộc: "mực tàu", "giấy đỏ" đang ngồi viết những nét chữ "như phượng múa, rồng bay". Tài viết chữ của ông khiến cho ai cũng phải "tấm tắc ngợi khen tài". Tuy nhiên, nền Nho học lụi tàn đồng nghĩa với việc con người dần quên đi những nét đẹp truyền thống. Cảnh tượng huyên náo của phố phường vẫn diễn ra. Ông đồ ngồi đấy nhưng hình ảnh của ông đang bị lu mờ trên phố đông người qua làm em không khỏi xót xa. Thời gian trôi qua, thu đi, xuân đến nhưng mỗi năm người thuê viết một vắng khiến "Giấy đỏ buồn không thắm;/ Mực đọng trong nghiên sầu...". Hình ảnh "Lá vàng rơi trên giấy/ Ngoài trời mưa bụi bay" không chỉ khắc họa khung cảnh lạnh lẽo, buồn bã mà còn gợi nên tâm trạng cô độc, buồn tủi khi thời thế đổi thay. Câu hỏi tu từ "Người thuê viết nay đâu?" và "Hồn ở đâu bây giờ?" như một lời tiếc thương cho số phận của ông đồ, cho sự tàn lụi của những giá trị Nho học. Bằng thể thơ năm chữ, hình ảnh thơ gần gũi, bình dị, ngôn từ cô đọng đã đem đến cho người đọc những suy nghĩ về nét đẹp truyền thống của dân tộc đứng trước nguy cơ bị mai một.  **III. Viết Đoạn Văn Ghi Lại Cảm Xúc Của Em Sau Khi Đọc Bài Thơ Tiếng Gà Trưa Của Xuân Quỳnh**  **1. Dàn ý đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc bài thơ Tiếng gà trưa của Xuân Quỳnh.**  **a. Mở đoạn:** - Giới thiệu tác giả, tác phẩm. - Giới thiệu về cảm xúc của em sau khi đọc bài thơ. **b. Thân đoạn:** - Cảm xúc về nội dung: "Tiếng gà trưa" gợi lên tình cảm của người cháu với bà, qua đó bộc lộ tình yêu gia đình sâu nặng trong mối quan hệ gắn bó với tình cảm quê hương, đất nước. + Hình ảnh tần tảo của người bà trong hành động "tay khum soi trứng" và nỗi lo toan khi mùa đông đến. + Những suy tư của cháu về hạnh phúc và mục đích chiến đấu. - Cảm xúc về nghệ thuật: + Thể thơ năm chữ ngắn gọn. + Hình ảnh thơ trong sáng, bình dị. + Ngôn từ tinh tế. + Biện pháp điệp ngữ "vì" nhấn mạnh vào mục đích chiến đấu. **c. Kết đoạn:** - Khái quát được cảm xúc về bài thơ.  **2. Đoạn văn mẫu ghi lại cảm xúc sau khi đọc bài thơ "Tiếng gà trưa" của Xuân Quỳnh**  Bài thơ "Tiếng gà trưa" của nữ sĩ Xuân Quỳnh đã để lại cho em những cảm xúc khó phai về tình cảm của người cháu với bà, qua đó bộc lộ tình yêu gia đình sâu nặng trong mối quan hệ gắn bó với tình cảm quê hương, đất nước. "Trên đường hành quân xa, người cháu dừng chân bên xóm nhỏ". Trong khoảnh khắc nghe tiếng gà nhảy ổ, cháu như được quay trở về tuổi thơ. Tiếng gà làm xua tan đi những mệt mỏi, nóng bức của buổi trưa hè. Người cháu nhớ lại hình ảnh của con gà mái lông vàng đốm trắng, óng ả như nắng hè nhuộm lên. Cháu còn nhớ cả động tác "Tay bà khum soi trứng/ Dành từng quả chắt chiu/ Cho con gà mái ấp". Từ láy "chắt chiu" đã gợi cho em sự tần tảo, tiết kiệm, hết sức dành dụm của người bà dành cho cháu. Hình ảnh người bà còn hiện lên với biết bao nỗi vất vả, lo toan mỗi khi đông đến: "Bà lo đàn gà toi/ Mong trời đừng sương muối". Bao nhiêu niềm hi vọng bà đều gửi hết vào đàn gà "Để cuối năm bán gà/ Cháu được quần áo mới". Mặc dù quần áo chẳng thật sự vừa vặn với người cháu "Ôi cái quần chéo go/ Ống rộng dài quét đất/ Cái áo cánh trúc bâu/ Đi qua nghe sột soạt" nhưng cháu vẫn cảm thấy vui vẻ vì đó là tất cả tình yêu thương của bà. Hình ảnh người bà trong văn bản cũng làm em nhớ đến người bà thân thương của mình. Câu thơ "Tiếng gà trưa/ Mang bao nhiêu hạnh phúc" gợi ra một cuộc sống yên bình sau lũy tre xanh để "Đêm cháu về nằm mơ/ Giấc ngủ hồng sắc trứng". Giấc mơ của cháu cũng là ước mong về những ngày tháng thanh bình, êm ả bên bà. Khổ thơ cuối cùng đã cho em thấy được mục đích chiến đấu cao cả của của người cháu. Cháu chiến đấu vì Tổ quốc thân yêu, vì bóng dáng của người bà yêu thương và vì cả tiếng gà chuyên chở bao kỉ niệm thơ ấu. Thể thơ năm chữ ngắn gọn, ngôn từ trong sáng, giản dị cùng biện pháp điệp ngữ "vì" đã gợi cho người đọc những tình cảm gia đình sâu sắc. Từ đây, tình cảm gia đình trở thành động lực thôi thúc mỗi người chiến đấu để bảo vệ đất nước, quê hương. |

**\*Kiểm tra thường xuyên (thời gian 15 phút)**

**Đề 1**

**PHẦN I. ĐỌC HIỂU: (6. 0 điểm)**

**Đọc dữ liệu sau:**

*Chót trên cành cao vót  
Mấy quả sấu con con  
Như mấy chiếc khuy lục  
Trên áo trời xanh non.*

*Trời rộng lớn muôn trùng  
Đóng khung vào cửa sổ  
Làm mấy quả sấu tơ  
Càng nhỏ xinh hơn nữa.*

*............................*

*(Trích trong tập“Tôi giàu đôi mắt, Xuân Diệu)*

***Thực hiện các yêu cầu:***

**Câu 1**: Đoạn thơ trên viết theo thể thơ nào?

A. Bốn chữ B. Năm chữ C. Bảy chữ D. Tám chữ

**Câu 2**: Các vần “on” trong các tiếng “con-non” ở khổ thơ thứ nhất sử dụng kiểu gieo vần nào?

A. Vần chânB. Vần lưng C. Vần liền D. Vần hỗn hợp

**Câu 3:** Trong đoạn thơ trên, nhà thơ đã miêu tả những quả sấu non bằng những hình ảnh nào?

A. Những quả sấu non nhí nhảnh.

B. Những quả sấu non như chiếc khuy lục.

C. Những quả sấu non như những chiếc khuy lục, nhỏ xinh.

D. Những quả sấu non nhỏ xinh, ngây thơ.  
**Câu 4**: Tại sao tác giả lại cảm thấy những quả sấu tơ “Càng nhỏ xinh hơn nữa”?

A. Vì chúng ở trên cao. B. Vì chúng là những quả sấu non.  
C. Vì chúng chưa lớn. D. Vì chúng là “khuy lục” của áo trời mà trời thì rộng lớn.

**Câu 5:** Xác định biện pháp tu từ được sử dụng trong khổ thơ thứ nhất và cho biết tác dụng của biện pháp tu từ ấy?

**Câu 6:** Qua hình ảnh quả sấu non, tác giả muốn nhắn nhủ tới người đọc điều gì?

**PHẦN II. VIẾT: (4.0 điểm)**

Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc của em về bài thơ “Mẹ” của Đỗ Trung Lai.

**Đề 2**

**PHẦN I. ĐỌC HIỂU: (6. 0 điểm)**

**Đọc dữ liệu sau:**

**MẸ VẮNG NHÀ NGÀY BÃO**

Mấy ngày mẹ về quê

Là mấy ngày bão nổi

Con đường mẹ đi về

Cơn mưa dài chặn lối.

.................................

Nhưng chị vẫn hái lá  
Cho thỏ mẹ, thỏ con  
Em thì chăm đàn ngan  
Sớm lại chiều no bữa  
Bố đội nón đi chợ  
Mua cá về nấu chua…  
  
Thế rồi cơn bão qua  
Bầu trời xanh trở lại  
Mẹ về như nắng mới  
Sáng ấm cả gian nhà.​

*Tác giả:****Đặng Hiển****.  
 (Trích Hồ trong mây)*​

***Thực hiện các yêu cầu:***

**Câu 1**: Đoạn thơ trên viết theo thể thơ nào?

A. Năm chữ B. Sáu chữ C. Bảy chữ D. Tám chữ

**Câu 2**: Các vần “ôi” trong các tiếng “nổi-lối” ở khổ thơ nhất sử dụng kiểu gieo vần nào?

A. Vần lưng B. Vần chânC. Vần liền D. Vần hỗn hợp

**Câu 3:**  Câu thơ nào nói lên niềm vui của cả nhà khi mẹ về?  
 A. Mấy ngày mẹ về quê. B. Thế rồi cơn bão qua.

C. Mẹ về như nắng mới D. Bầu trời xanh trở lại.

**Câu 4:**  Câu thơ “Mẹ về như nắng mới” sử dụng biện pháp tu từ gì?

A. Nhân hóa B. Ẩn dụ C. So sánh D. Hoán dụ

**Câu 5:** Cảm nhận của em về hình ảnh thơ trong hai dòng thơ cuối.

**Câu 6:** Hãy rút ra bài học sau khi đọc đoạn thơ trên.

**PHẦN II. VIẾT: (4.0 điểm)**

Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc của em về bài thơ “Ông đồ” của Vũ Đình Liên.

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Yêu cầu đề 1** | **Yêu cầu đề 2** | **Điểm** |
| **Phần I: Đọc hiểu (6.0 điểm)** | | |  |
| 1 | B | A | 0.5 |
| 2 | A | B | 0.5 |
| 3 | C | D | 0.5 |
| 4 | D | C | 0.5 |
| 5 | Biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong khổ thơ đầu là so sánh. Biện pháp so sánh trong khổ thơ này có tác dụng tạo sự liên tưởng sắc nét tới người đọc về hình ảnh trái sấu độc đáo, thú vị. | Bằng nghệ thuật so sánh độc đáo: **mẹ được ví như nắng mới,**nhà thơ đã làm nổi bật vai trò to lớn của người mẹ trong gia đình. Mẹ trở về làm cả ngôi nhà tỏa rạng ánh sáng của niềm vui, niềm hạnh phúc. Đồng thời, người đọc cũng cảm nhận được tình yêu thương, tình cảm gia đình ấm áp. | 2.0 |
| 6 | - HS nêu được lời nhắn nhủ mà tác giả muốn gửi tới người đọc:  Qua hình ảnh quả sấu non, nhà thơ muốn giáo dục lòng yêu thiên nhiên say mê, khám phá những bí ẩn của tự nhiên xung quanh và lòng tự hào về cuộc sống dân tộc. | - HS nêu được bài học từ ý nghĩa của đoạn thơ: *lòng biết ơn người mẹ đã hi sinh cho gia đình; biết đoàn kết giúp đỡ anh chị em khi gia đình gặp khó khăn.* | 2.0 |
| **Phần 2: Viết (4.0 điểm)** | | | |
|  | Đề 1: Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc của em về bài thơ “Mẹ” của Đỗ Trung Lai. | Đề 2: Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc của em về bài thơ “Ông đồ” của Vũ Đình Liên. |  |
|  | 1. Đảm bảo cấu trúc của đoạn văn. | | 0.25 |
|  | 1. Xác định đúng yêu cầu của đề: Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ. | | 0.25 |
|  | 1. Viết được đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ.   HS có thể triển khai đoạn văn theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các ý sau: | |  |
|  | **- Mở đoạn:**  + Giới thiệu tác giả và bài thơ.  + Nêu ấn tượng, cảm xúc chung về bài thơ.  **- Thân đoạn:** Nêu cụ thể cảm xúc của em về yếu tố nội dung hay nghệ thuật đặc sắc đã xác định ở mở đoạn.  + Em thích nhất câu, khổ thơ, đoạn thơ nào hay cả bài thơ?  + Em thích chi tiết nội dung hay nghệ thuật đặc sắc nào trong bài thơ? Vì sao?  + Câu, khổ, đoạn thơ hay chi tiết nội dung hay yếu tố nghệ thuật đó đã mang lại cho em cảm xúc gì?  **- Kết đoạn:** Khái quát được cảm xúc về bài thơ. | | 2.5 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp:* Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. | | 0,5 |
|  | *e. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc, lời kể sinh động, sáng tạo. | | 0,5 |

**Thống kê kết quả**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Lớp** | **Sĩ số** | **Chưa đạt** | | **Đạt** | | **Khá** | | **Tốt** | | **TB trở lên** | |
| 0,0 đến < 5.0 | | 5.0 đến < 6.5 | | 6.5 đến < 8.0 | | 8.0 đến 10.0 | | 5.0 đến 10.0 | |
| SL | TL% | SL | TL% | SL | TL% | SL | TL% | SL | TL% |
| 1 | 7A3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | 7A4 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | 7A5 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 | 7A6 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**NHẬN XÉT**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………